

CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Công ty TNHH Yen of London
Địa điểm: phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích Huyền

Hải Phòng, tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	5
DANH MỤC BẢNG	6
DANH MỤC HÌNH	7
MỞ ĐẦU	8
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	9
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ.....	9
1.2. TÊN CƠ SỞ.....	9
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ.....	10
1.3.1. Công suất sản xuất của cơ sở.....	10
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	11
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	14
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.....	14
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu.....	14
1.4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu.....	14
1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện.....	15
1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước.....	15
1.5. CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÒN TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	18
1.6. CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÒN TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	18
1.6.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	18
1.6.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	21
1.6.3. Tổ chức quản lý và vận hành cơ sở.....	21
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	22
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, KHOẢNG CÁCH AN TOÀN VỀ MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH.....	22
2.1.1. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.....	22
2.1.2. Quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	22
2.1.3. Khoảng cách an toàn về môi trường.....	23
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	23
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THU GOM, THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	24
3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa.....	24
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	26
3.1.3. Xử lý nước thải.....	29
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.....	34
3.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải.....	34
3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải.....	35
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	
38	
3.3.1. Nguồn và khối lượng phát sinh chất thải rắn thông thường.....	38
3.3.2. Công trình, biện pháp quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.....	39
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	40
3.4.1. Nguồn và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	40
3.4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	40
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	41
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	41
3.6.1. Đối với sự cố cháy nổ.....	41
3.6.2. Đối với sự cố khi vận hành công trình bảo vệ môi trường.....	42
3.6.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	43
3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG THÀNH PHẦN.....	46
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	48
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	48
4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải.....	48
4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	49
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	51
4.2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải.....	51
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải.....	52
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	53
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	53
4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	54
4.4. NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	54
4.4.1. Yêu cầu về quản lý chất thải.....	54
4.4.3. Nội dung về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	56
4.5. CÁC NỘI DUNG KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	56
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	58

5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	58
5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	59
5.2.1. Thông tin về tình hình xả thải.....	59
5.2.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ.....	59
5.2.3. Quản lý sự cố và công tác duy trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.....	62
5.2.4. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả và mức độ phù hợp của hệ thống xử lý nước thải..	62
5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI.....	63
5.3.1. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ.....	63
5.3.2. Quản lý sự cố và công tác duy trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.....	63
5.3.3. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả và mức độ phù hợp của hệ thống xử lý khí thải.....	63
5.4. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI.....	64
5.4.1. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải thông thường.....	64
5.4.2. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải công nghiệp thông thường.....	64
5.4.3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải nguy hại.....	64
5.5. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	65
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	66
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	66
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	66
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	66
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	66
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở.....	66
6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.....	67
CHƯƠNG VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH.....	68
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	69
PHỤ LỤC CỦA BÁO CÁO.....	70

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Các thông số môi trường

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa (5 ngày)
COD	Nhu cầu oxy hóa học
TSS	Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng
TDS	Tổng hàm lượng chất rắn hòa tan

Các tiêu chuẩn so sánh

QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

Các cơ quan, tổ chức

BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
HPCEM	Trung tâm Quan trắc môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân

Các ký hiệu viết tắt khác

QĐ	Quyết định
GPMT	Giấy phép môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTSH	Chất thải sinh hoạt
PCCC	Phòng cháy chữa cháy

DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng 1. 1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu.....</i>	<i>13</i>
<i>Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của Công ty TNHH Yen of London.....</i>	<i>14</i>
<i>Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại Công ty TNHH Yen of London.....</i>	<i>15</i>
<i>Bảng 1. 4. Phân bổ nước cấp cho các hoạt động sử dụng nước thực tế.....</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 1. 5. Các hạng mục công trình của Công ty TNHH Yen of London.....</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 1. 6. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty.....</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 3. 1. Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt tại Công ty.....</i>	<i>28</i>
<i>Bảng 3. 2. Vị trí xây dựng và kích thước các bể tự hoại.....</i>	<i>28</i>
<i>Bảng 3. 3. Vị trí xây dựng và kích thước bể tách dầu mỡ.....</i>	<i>29</i>
<i>Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung.....</i>	<i>31</i>
<i>Bảng 3. 5. Thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải tập trung.....</i>	<i>32</i>
<i>Bảng 3. 6. Danh mục hóa chất sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.....</i>	<i>33</i>
<i>Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi nồi hơi.....</i>	<i>36</i>
<i>Bảng 3. 8. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....</i>	<i>37</i>
<i>Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....</i>	<i>39</i>
<i>Bảng 3. 10. Nội dung thay đổi so với Đề án Bảo vệ môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.....</i>	<i>45</i>
<i>Bảng 5. 1. Thời gian quan trắc và đơn vị thực hiện quan trắc.....</i>	<i>58</i>
<i>Bảng 5. 2. Vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Yen of London.....</i>	<i>59</i>
<i>Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải của Cơ sở năm 2024-2025.....</i>	<i>60</i>
<i>Bảng 5. 4. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ của Cơ sở.....</i>	<i>62</i>
<i>Bảng 5. 5. Bảng thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt.....</i>	<i>63</i>
<i>Bảng 5. 6. Bảng thống kê khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường.....</i>	<i>63</i>
<i>Bảng 5. 7. Bảng thống kê khối lượng chất thải nguy hại.....</i>	<i>64</i>
<i>Bảng 6. 1. Kế hoạch quan trắc nước thải định kỳ của Công ty.....</i>	<i>66</i>

DANH MỤC HÌNH

<i>Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí khu đất của Công ty TNHH Yen of London.....</i>	<i>9</i>
<i>Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất kèm dòng thải.....</i>	<i>10</i>
<i>Hình 1. 3. Sơ đồ bố trí tổng mặt bằng các hạng mục công trình của Công ty TNHH Yen of London.....</i>	<i>19</i>
<i>Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa.....</i>	<i>23</i>
<i>Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom nước mưa hiện trạng của Công ty TNHH Yen of London....</i>	<i>24</i>
<i>Hình 3. 3. Quy trình thu gom và thoát nước thải hiện trạng của Công ty TNHH Yen of London.....</i>	<i>26</i>
<i>Hình 3. 4. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải giai đoạn hiện tại của Công ty TNHH Yen of London.....</i>	<i>27</i>
<i>Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung.....</i>	<i>30</i>
<i>Hình 3. 6. Hình ảnh minh họa thông gió nhà xưởng.....</i>	<i>34</i>

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Yen of London được thành lập năm 2008, có địa chỉ tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh (nay là phường Hưng Đạo), thành phố Hải Phòng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm thời trang cao cấp phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0200461255, đăng ký lần đầu ngày 05/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 06 năm 2025.

Công ty TNHH Yen of London đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường tại Quyết định số 68/QĐ-STN&MT ngày 10/6/2009; Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1398/GP-UBND ngày 25/5/2021 (thời hạn của Giấy phép là 5 năm) với lưu lượng xả thải lớn nhất là 50 m³/ngày đêm. Công ty TNHH Yen of London có 01 hệ thống xử lý khí thải nôi hơi đốt than công suất 10.000 m³/ngày đêm.

Căn cứ khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Công ty TNHH Yen of London thuộc đối tượng phải lập Giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố Hải Phòng (Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định).

Nội dung của báo cáo đề xuất cấp GPMT được lập theo Mẫu số 22d ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/06/2025.

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON**
- Địa chỉ văn phòng: Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Phạm Minh Nam;
Chức vụ: Chủ tịch công ty.
- Điện thoại: 031 3581905
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0200461255 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 06 năm 2025.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 6526487207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp chứng nhận đăng ký lại ngày 05/02/2008, chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 11/8/2023.
- Mã số thuế: 0200461255.

1.2. TÊN CƠ SỞ

- Tên cơ sở: **CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON.**
 - Địa điểm cơ sở: Công ty TNHH Yen of London có vị trí tại đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng. Công ty có diện tích 30.000 m² đã được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 07496901 ngày 27/3/2026. Công ty có các hướng tiếp giáp như sau:
 - + Phía Tây Bắc giáp với Công ty TNHH Super Victory.
 - + Phía Đông Bắc giáp với đường Phạm Văn Đồng.
 - + Phía Đông Nam giáp đường nội bộ khu dân cư phường Anh Dũng
 - + Phía Tây Nam giáp với đường nội bộ khu dân cư phường Anh Dũng.
- Sơ đồ vị trí khu đất của Công ty được thể hiện tại hình sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng



Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí khu đất của Công ty TNHH Yen of London

- Quyết định số 68/QĐ-STN&MT ngày 10/06/2009 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Yen of London.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1398/GP-UBND ngày 25/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (thời hạn của Giấy phép là 5 năm).

- Quy mô của cơ sở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công: Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 105.510.000.000 (*Một trăm linh năm tỷ, năm trăm mười triệu đồng*) thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, Dự án được phân loại là dự án nhóm C (*khoản 3 Điều 11 Luật Đầu tư công năm 2024*).

- Loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ: Sản xuất gia công các sản phẩm may mặc.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Không có.

- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở được phân loại tương đương dự án đầu tư nhóm III (thuộc mục số 2 Phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

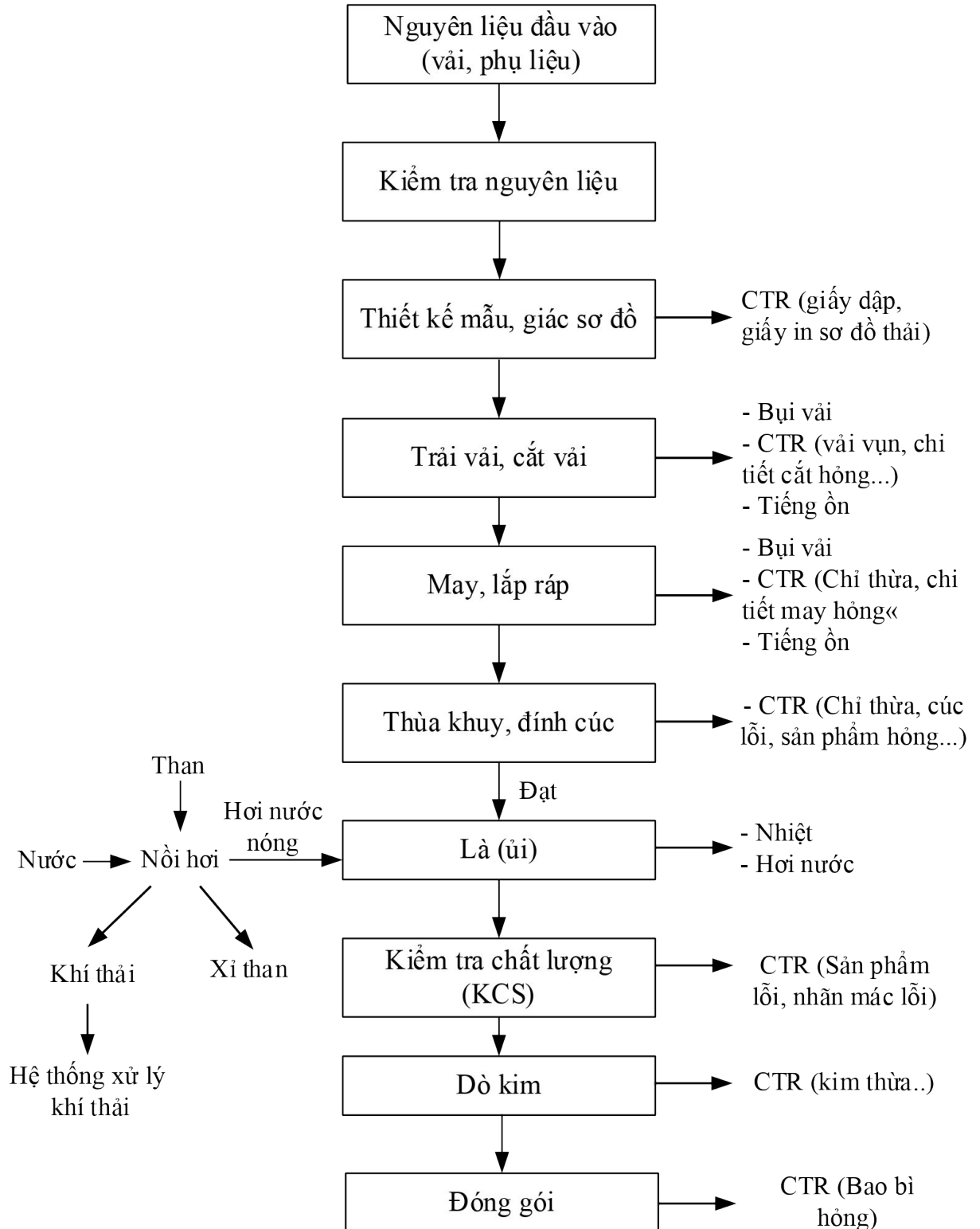
1.3.1. Công suất sản xuất của cơ sở

Công ty TNHH Yen of London sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc với công suất năm sản xuất ổn định (đạt 100% công suất) là **2.500.000 sản phẩm/năm**.

Theo số liệu báo cáo năm 2025, công suất sản xuất sản phẩm may mặc của Công ty là 1.229.817 sản phẩm/năm (đạt 49,19% công suất).

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm may mặc như sau:



Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất kèm dòng thải

Thuyết minh:

Bước 1: Kiểm tra nguyên liệu

Nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất là vải và các phụ liệu như chỉ may, cúc, khóa kéo, dây chun, nhãn mác. Nguyên liệu sau khi nhập về sẽ được kiểm tra về số lượng, chủng loại và chất lượng theo yêu cầu của đơn hàng.

Bước 2: Thiết kế mẫu, giác sơ đồ

Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật, kiểu dáng sản phẩm, bảng thông số kích thước hoặc sản phẩm mẫu do khách hàng cung cấp, sẽ tiến hành thiết kế mẫu dưới dạng rập bằng phương pháp thủ công hoặc bằng phần mềm chuyên dụng. Các chi tiết của sản phẩm (như thân trước, thân sau, tay áo, cổ áo...) được xây dựng thành từng rập riêng biệt, sau đó thực hiện nhảy size để tạo ra các kích cỡ theo yêu cầu (S, M, L,...).

Sau khi hoàn thiện bộ rập, sẽ tiến hành may mẫu thử nhằm kiểm tra độ chính xác về kích thước, hình dáng và các yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm. Trên cơ sở bộ rập đã được phê duyệt, các chi tiết sẽ được sắp xếp trên khổ vải để thực hiện giác sơ đồ nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu và xác định định mức tiêu hao vải cho từng sản phẩm.

Sơ đồ giác sau khi hoàn thiện được sử dụng để phục vụ công đoạn trải vải, cắt vải. Trước khi chuyển sang sản xuất hàng loạt, toàn bộ mẫu và sơ đồ được kiểm tra, rà soát nhằm đảm bảo không có sai sót kỹ thuật.

Tại công đoạn này chủ yếu phát sinh chất thải rắn thông thường như giấy rập, giấy in sơ đồ thải.

Bước 3: Trải vải, cắt vải

Sau khi hoàn thiện sơ đồ giác, nguyên liệu vải được đưa vào công đoạn trải vải. Vải được trải thành nhiều lớp trên bàn cắt theo chiều dài và chiều rộng của sơ đồ giác, đảm bảo đúng chiều sợi vải, độ phẳng và số lớp theo yêu cầu sản xuất.

Tiếp theo, sơ đồ giác được đặt lên bề mặt lớp vải đã trải và tiến hành cắt bằng máy cắt tự động. Quá trình cắt bao gồm cắt phá và cắt chi tiết theo đường viền của rập nhằm tạo ra các chi tiết sản phẩm riêng biệt như thân, tay, cổ...

Sau khi cắt, các chi tiết được phân loại, phối kiện theo từng sản phẩm, kích cỡ và màu sắc; đồng thời được đánh số (bó chi tiết) để tránh nhầm lẫn trong quá trình may. Các chi tiết cắt sẽ được kiểm tra về kích thước, hình dạng, số lượng. Những chi tiết không đạt yêu cầu sẽ được loại bỏ hoặc xử lý lại.

Tại công đoạn này chủ yếu phát sinh chất thải rắn thông thường như vải vụn, đầu tấm, chi tiết cắt hỏng, bao bì đóng gói nguyên liệu vải (nilon, bao PP, lõi giấy...); đồng thời phát sinh bụi vải trong quá trình cắt.

Bước 4: May, lắp ráp

Các chi tiết vải được chuyển đến công đoạn may để lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh. Trước khi may, các chi tiết được bóc tách, phân phối theo từng chuyên may và sắp xếp theo thứ tự công đoạn.

Quá trình may được tổ chức theo dây chuyền, trong đó mỗi công nhân thực hiện một hoặc một số công đoạn nhất định như may thân, may tay, may cổ, tra khóa, đính phụ kiện... Các chi tiết được may thành bán thành phẩm và tiếp tục lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh theo quy trình kỹ thuật.

Trong quá trình may, sẽ thực hiện kiểm tra tại chuyền nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các lỗi như sai kích thước, lệch đường may, lỗi kỹ thuật. Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được sửa chữa hoặc loại bỏ trước khi chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Tại công đoạn này chủ yếu phát sinh chất thải rắn thông thường như chỉ thừa, vải vụn, chi tiết may hỏng; đồng thời phát sinh bụi vải và tiếng ồn từ máy may công nghiệp.

Bước 5: Thùa khuy – đính cúc

Sau công đoạn may, các bán thành phẩm được chuyển sang công đoạn thừa khuy và đính cúc hoặc gắn các phụ kiện như khóa kéo, nút bấm... Công đoạn này được thực hiện bằng các máy chuyên dụng nhằm đảm bảo độ chính xác và tính thẩm mỹ của sản phẩm.

Trong quá trình thực hiện, người công nhân sẽ kiểm tra vị trí, kích thước khuy, độ chắc chắn của cúc và các phụ kiện đi kèm. Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được sửa chữa hoặc loại bỏ trước khi chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Tại công đoạn này phát sinh chất thải rắn thông thường như chỉ thừa, cúc lỗi, phụ kiện hỏng, sản phẩm lỗi và phát sinh tiếng ồn từ máy chuyên dụng.

Bước 6: Là (ủ)

Sau khi hoàn thiện may và thừa đính, sản phẩm được chuyển sang công đoạn là ủ nhằm làm phẳng, định hình và hoàn thiện hình dáng sản phẩm. Công đoạn này sử dụng bàn là hơi. Hơi cấp cho bàn là được cung cấp bởi nồi hơi đốt than. Trong quá trình thực hiện, người công nhân sẽ kiểm tra ngoại quan sản phẩm, cắt bỏ chỉ thừa và xử lý các lỗi nhỏ trước khi chuyển sang công đoạn kiểm tra chất lượng. Tại công đoạn này sẽ phát sinh nhiệt và hơi nước.

Việc sử dụng nồi hơi đốt than sẽ làm phát sinh bụi, khí thải, nước xả đáy nồi hơi và xỉ tro thải.

Bước 7: Kiểm tra chất lượng (KCS)

Sản phẩm sau khi hoàn thiện được chuyển đến bộ phận kiểm tra chất lượng. Tại đây, sản phẩm được kiểm tra về kích thước, đường may, hình dáng và các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn của khách hàng.

Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được phân loại để sửa chữa hoặc loại bỏ.

Các sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn dò kim.

Công đoạn này phát sinh một lượng nhỏ chất thải rắn thông thường như sản phẩm lỗi, nhãn mác lỗi.

Bước 8: Dò kim

Trước khi đóng gói, sản phẩm được kiểm tra bằng thiết bị dò kim nhằm phát hiện và loại bỏ các dị vật kim loại (nếu có), đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm.

Bước 9: Đóng gói

Sản phẩm đạt yêu cầu được gấp, đóng túi (túi nilon), đóng hộp nhỏ và đóng vào thùng carton theo quy cách của khách hàng. Sản phẩm sau khi đóng gói được dán nhãn, mã hàng và chuẩn bị nhập kho.

Tại công đoạn này phát sinh chất thải rắn thông thường như bao bì hỏng (túi nilon, thùng carton, băng keo thừa).

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Công ty TNHH Yen of London sản xuất các sản phẩm may mặc như quần áo, váy, trang phục công sở...

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Bảng 1. 1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng sử dụng hiện tại (49,19% công suất)	Khối lượng khi hoạt động ổn định (100% công suất)	Nguồn cung cấp
1	Vải các loại	m/năm	1.475.700	3.000.0000	Nhập khẩu + Việt Nam
2	Phụ liệu các loại (cúc, khoá kéo, dây chun, nhãn mác...)	kg/năm	2.951,4	6.000	Nhập khẩu + Việt Nam
3	Chỉ may	kg/năm	2.951,4	6.000	Nhập khẩu + Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Yen of London)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Công ty TNHH Yen of London sử dụng DO để làm nhiên liệu cho 01 máy phát điện dự phòng công suất 1.000KW trong trường hợp mất điện lưới. Ngoài ra, Nhà máy

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

còn sử dụng gas để đun nấu và than để vận hành nồi hơi. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu như sau:

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của Công ty TNHH Yen of London

Nhiên liệu	Đơn vị	Mục đích sử dụng	Khối lượng sử dụng hiện tại (49,19% công suất)	Khối lượng khi hoạt động ổn định (100% công suất)
Than đá	Tấn/năm	Nồi hơi	1,07	2,19
Gas	Tấn/năm	Bếp ăn	0,53	1,08
Dầu Diesel (DO)	Lít/năm	Máy phát điện dự phòng	156,8	320

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện: Công ty TNHH Yen of London sử dụng nguồn điện từ hệ thống phân phối điện của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên điện lực Hải Phòng – Điện lực Hưng Đạo để cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất và hoạt động sinh hoạt.

- Nhu cầu sử dụng: Căn cứ Hóa đơn thu tiền điện, lượng điện sử dụng bình quân hàng tháng hiện nay là khoảng 102.484 kWh/tháng.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước

a. Các hoạt động sử dụng nước

Công ty TNHH Yen of London sử dụng nước do Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng cung cấp, phục vụ cho các hoạt động sau:

- Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Công ty: Hiện tại số lượng cán bộ, công nhân làm việc tại Công ty là 405 người. Khi Công ty hoạt động ổn định đạt 100%, dự kiến số lượng cán bộ nhân viên là 810 người.

- Nước cấp cho hoạt động sản xuất:

+ Nước cấp cho 01 nồi hơi đốt than công suất 1,5 tấn/giờ: Hơi nước nóng sinh ra từ nồi hơi sẽ theo đường ống dẫn đến bộ phận là (ủi) để là sản phẩm và bếp ăn. Bếp ăn của Công ty sử dụng gas và nhiệt từ nồi hơi để đun nấu thức ăn.

Sau quá trình sử dụng, phần lớn hơi nước ngưng tụ thành nước ngưng và được thu hồi để tuần hoàn trở lại hệ thống. Một phần nhỏ hơi nước bị thất thoát ra môi trường trong quá trình vận hành. Ngoài ra, nồi hơi được bổ sung nước cấp và định kỳ xả đáy nhằm loại bỏ cặn, tạp chất tích tụ, do đó phát sinh nước thải xả đáy.

+ Nước cấp cho 02 nồi hơi điện công suất 18kw/máy: Nồi hơi điện được sử dụng để cung cấp hơi nóng là (ủi) các sản phẩm may mặc không sử dụng để xuất khẩu.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

Hơi nóng sinh ra chủ yếu thấm vào sản phẩm và bốc hơi vào môi trường.

+ Nước cấp cho hệ thống làm mát nhà xưởng sản xuất: Hệ thống làm mát nhà xưởng sử dụng công nghệ bay hơi nước thông qua các tấm làm mát (cooling pad) được lắp đặt dọc tường nhà xưởng kết hợp với hệ thống quạt hút. Nước được cấp liên tục từ bể chứa thông qua hệ thống bơm và đường ống phân phối đến phía trên các tấm làm mát. Nước chảy đều xuống bề mặt tấm làm mát tạo thành một lớp màng nước mỏng bao phủ toàn bộ bề mặt. Khi quạt hút hoạt động, không khí nóng từ bên ngoài được hút đi qua các tấm làm mát đã được làm ướt. Tại đây xảy ra quá trình bay hơi nước, làm giảm nhiệt độ của không khí trước khi đi vào bên trong nhà xưởng. Không khí mát sau đó được phân phối đều trong không gian sản xuất, giúp giảm nhiệt độ và cải thiện điều kiện vi khí hậu cho người lao động.

Phần nước không bay hơi sẽ được thu hồi theo đường ống nhựa và tuần hoàn trở lại hệ thống. Phần nước thất thoát do bay hơi sẽ được bổ sung thường xuyên.

- Nước cấp cho bể dập bụi của hệ thống xử lý khí thải nồi hơi đốt than: Hệ thống xử lý bụi khí thải nồi hơi sử dụng công nghệ xử lý bụi gồm 02 thiết bị Cyclon và 01 bể dập bụi bằng nước. Nước tại bể dập bụi định kỳ sẽ được hút đưa đi xử lý và bổ sung lượng nước mới.

- Nước sử dụng cho hoạt động tưới cây, rửa đường.

- Nước phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy. Nguồn nước này được dự trữ trong bể chứa và chỉ sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ.

b. Nhu cầu sử dụng nước thực tế

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại Công ty TNHH Yen of London

STT	Tháng	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)
1	Tháng 7/2025	1.645	54,8
2	Tháng 8/2025	2.018	67,2
3	Tháng 9/2025	1.877	62,6
4	Tháng 10/2025	2.109	70,3
5	Tháng 11/2025	1.802	60,1
6	Tháng 12/2025	1.644	54,8
7	Tháng 1/2026	1.564	53,13

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

8	Tháng 2/2026	1.624	54,13
9	Tháng 3/2026	993	33,1
Trung bình		1.697	56,57
Lớn nhất		2.109	70,3

Căn cứ vào hóa đơn thu tiền nước, nhu cầu sử dụng nước thực tế của Công ty trung bình là 1.697 m³/tháng, tương đương 56,57 m³/ngày và lớn nhất là 2.109 m³/tháng (tháng 10/2025), tương đương 70,3 m³/ngày.

*** Phân bổ nước cấp cho các hoạt động sử dụng nước:**

- Nước cấp bổ sung cho hoạt động của nồi hơi: Nồi hơi công suất 1,5 tấn/giờ, ngày hoạt động 8 giờ. Lượng nước cấp cho nồi hơi để tạo hơi nước nóng là $1,5 \times 8 = 12$ m³/ngày. Đối với công đoạn là ủi, hơi nước sau khi sử dụng một phần được ngưng tụ và thu hồi trong hệ thống đường ống và thiết bị, phần còn lại phát tán ra môi trường và thấm vào sản phẩm. Hiệu suất thu hồi nước ngưng ước tính khoảng 40%. Như vậy ước tính lượng nước bổ sung hàng ngày là 12 m³/ngày \times 60% = 7,2 m³/ngày. Đối với hoạt động xả đáy, định kỳ nồi hơi sẽ xả đáy để loại bỏ cặn. Ước tính lượng nước xả đáy là 0,2m³/ngày à Lượng nước cấp bổ sung hàng ngày cho nồi hơi là 7,4m³/ngày.

- Nước cấp cho 02 nồi hơi điện: nồi hơi điện công suất 18kw/ máy, ngày hoạt động 8 giờ Lượng nước cấp cho 02 nồi hơi khoảng 3m³/ngày.

- Nước cấp cho hệ thống làm mát nhà xưởng sản xuất: Hệ thống làm mát bằng tấm cooling pad được bố trí dọc theo tường các nhà xưởng có tổng diện tích khoảng 1.440 m² (tổng chiều dài 960 m, chiều cao trung bình 1,5 m). Lưu lượng nước tuần hoàn khoảng 4 lít/m²/giờ. Hệ thống chạy 8 giờ/ngày. Tổng lượng nước tuần hoàn là 1.440 m² \times 4 lít/m²/giờ \times 8 giờ : 1.000 = 46,08m³/ngày. Ước tính lượng nước bay hơi và phải bổ sung hàng ngày bằng 15% lượng nước tuần hoàn và bằng 6,9 m³/ngày.

- Nước cấp cho bể đập bụi của hệ thống xử lý khí thải nồi hơi đốt than: Bể đập bụi có thể tích 6 m³. Lượng nước cấp mới cho bể đập bụi là 0,8 m³/ngày.

- Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt: Căn cứ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, lượng nước xả thải lớn nhất là 42m³/ngày, tương ứng với lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên là 42m³/ngày.

- Nước cấp tưới cây, rửa sân đường: Ước tính là 10,2 m³/ngày.

Phân bổ nước cấp cho các hoạt động sử dụng nước thực tế tại bảng sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

Bảng 1. 4. Phân bổ nước cấp cho các hoạt động sử dụng nước thực tế

TT	Hoạt động	Lượng nước sử dụng (m³/ngày)
1	Nước cấp bổ sung cho hoạt động của nồi hơi đốt than	7,4
2	Nước cấp cho 02 nồi hơi điện	3
3	Nước cấp cho hệ thống làm mát nhà xưởng sản xuất	6,9
4	Nước cấp cho bể dập bụi của hệ thống xử lý khí thải nồi hơi đốt than	0,8
5	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt	42
6	Nước cấp tưới cây, rửa sân đường	10,2
	Tổng	70,3

1.5. CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÒN TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Không có

1.6. CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÒN TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1.6.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Công ty TNHH Yen of London có vị trí tại đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng. Công ty có diện tích 30.000 m² đã được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 07496901 ngày 27/3/2026. Các hạng mục công trình của Công ty như sau:

Bảng 1. 5. Các hạng mục công trình của Công ty TNHH Yen of London

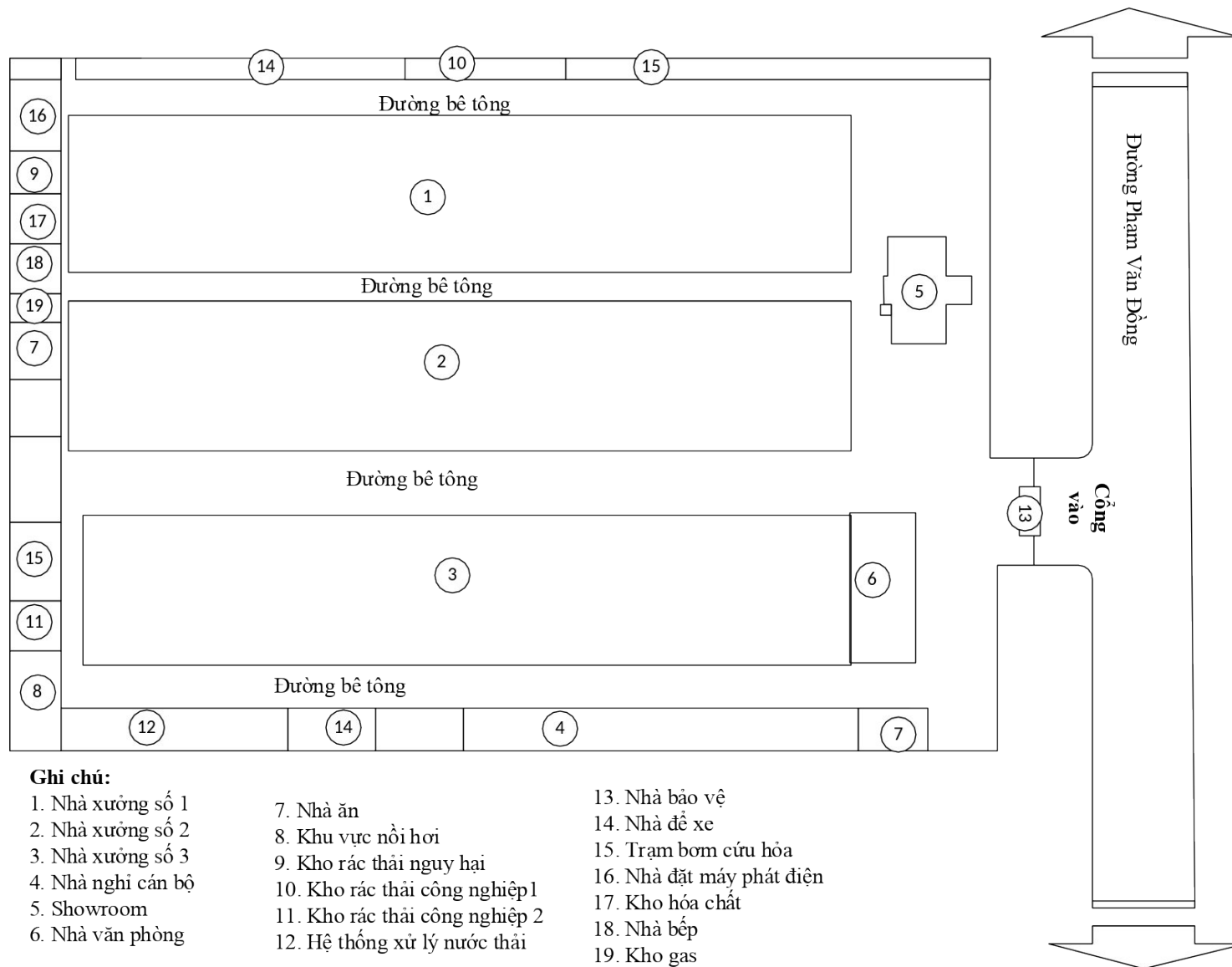
STT	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m²)	Số tầng
1	Nhà xưởng số 1	4.800	1
2	Nhà xưởng số 2	4.800	1
3	Nhà xưởng số 3	4.800	1
4	Nhà nghỉ cán bộ	250	1

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

5	Showroom	375	2
6	Nhà văn phòng	225	1
7	Nhà ăn	240	2
8	Khu vực nổi hơi	70	1
9	Kho rác thải nguy hại	5,0	1
10	Kho rác thải công nghiệp 1	24	1
11	Kho rác thải công nghiệp 2	80	1
12	Nhà bảo vệ	16	1
13	Nhà để xe	1000 & 400	2
14	Trạm bơm cứu hoả	16 & 16	2
15	Nhà đặt máy phát điện	64	1
16	Kho hoá chất	4	1
17	Nha bép	80	1
18	Kho gas	16	1

Vị trí tổng mặt bằng các hạng mục công trình của Công ty như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London



Hình 1. 3. Sơ đồ bố trí tổng mặt bằng các hạng mục công trình của Công ty TNHH Yên of London

1.6.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1. 6. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty

STT	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng hiện tại (49,19% công suất)	Số lượng khi hoạt động ổn định (100% công suất)
1	Máy cắt vải tự động	Chiếc	02	04
2	Máy trải vải	Chiếc	02	04
3	Máy cắt vòng	Chiếc	03	06
4	Máy cắt tay	Chiếc	03	06
5	Máy may	Chiếc	232	464
6	Máy vắt sỏ	Chiếc	111	222
7	Máy đính cúc, thừa khuy	Chiếc	38	76
8	Máy bỏ túi	Chiếc	04	08
9	Máy tra tay	Chiếc	14	28
10	Máy dò kim	Chiếc	1	1

1.6.3. Tổ chức quản lý và vận hành cơ sở

Tổng số cán bộ, công nhân viên đang làm việc tại Công ty là 405 người. Khi Công ty hoạt động ổn định (đạt 100% công suất) số lượng cán bộ, nhân viên là khoảng 810 người. Công ty tổ chức làm việc 01 ca/ngày, 08 giờ/ca, 26 ngày/tháng.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, KHOẢNG CÁCH AN TOÀN VỀ MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH

2.1.1. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khoản 3 Điều 1 đã nêu nhiệm vụ về bảo vệ môi trường là giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại. Theo đó, trong quá hoạt động, Công ty TNHH Yen of London phải nghiêm túc thực hiện việc quản lý, thu gom, xử lý nước thải, bụi khí thải; phân định, phân loại, lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Hoạt động của Công ty TNHH Yen of London đã nhận định được các nguồn phát sinh chất thải rắn, nước thải, bụi, khí thải từ đó Công ty đã xây dựng các công trình xử lý nước thải, bụi, khí thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường. Đối với chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại) Công ty đã có biện pháp thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn và kí hợp đồng chuyển giao cho các đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý đảm bảo không phát sinh chất thải chưa xử lý ra ngoài môi trường. Như vậy hoạt động của cơ sở phù hợp với mục tiêu chung của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

2.1.2. Quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Công ty TNHH Yen of London có tổng diện tích 30.000 m² tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng thuộc khu dân cư tập trung đô thị và được xác định nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo phân vùng môi trường. Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Công ty là sông Lạch Tray không có hoạt động khai thác nước mặt cấp cho sinh hoạt. Để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường cũng như đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường đã quy định, Công ty đã xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

2.1.3. Khoảng cách an toàn về môi trường

Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50m³/ngày đêm công nghệ sinh học kết hợp lắng, lọc sinh học và khử trùng. Khoảng cách từ hệ thống xử lý nước thải đến khu dân cư khoảng 100 m, đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Nguồn tiếp nhận nước thải của Công ty TNHH Yen of London là sông Lạch Tray. Căn cứ Phụ lục 1 của Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 ngày 2023 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ nội tỉnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, sông Lạch Tray không nằm trong danh mục đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước mặt (các sông) nội tỉnh trên địa bàn thành phố.

Để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các sông (theo Khoản 2, Điều 82, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường) thì phải xác định giá trị giới hạn tối đa của các thông số trong nước mặt của các sông, tuy nhiên sông Lạch Tray là sông phục vụ giao thông thủy. Theo QCVN 08:2023 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, sông Lạch Tray được đánh giá mức D – không quy định giá trị giới hạn. Do đó, báo cáo không đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của sông Lạch Tray

**CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN
PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THU GOM, THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

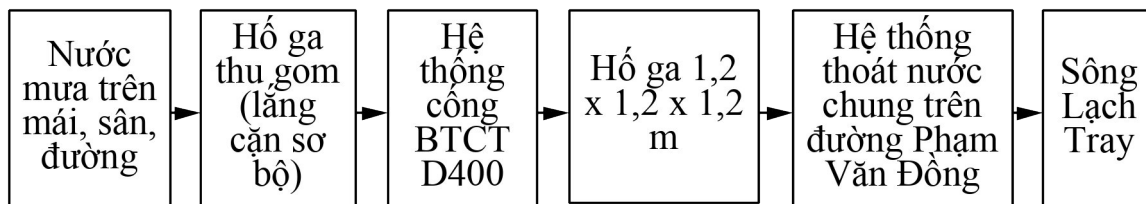
3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa

- Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa:

Toàn bộ nước mưa chảy tràn trong phạm vi Công ty được thu gom thông qua hệ thống cống thoát nước bố trí xung quanh khu vực văn phòng, nhà xưởng và sân đường nội bộ. Nước mưa được dẫn về các hố ga để lắng cặn, sau đó theo hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Công ty chảy ra cống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng qua 1 điểm xả. Tọa độ điểm xả nước mưa là $X(m) = 2302196.914$; $Y(m) = 598898.375$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0).

Hệ thống thoát nước mưa sử dụng đường cống bê tông cốt thép D400 mm, kết hợp với 45 hố ga có kích thước $1,2\text{ m} \times 1,2\text{ m} \times 1,2\text{ m}$, khoảng cách giữa các hố ga từ 10 – 15 m.

- Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa

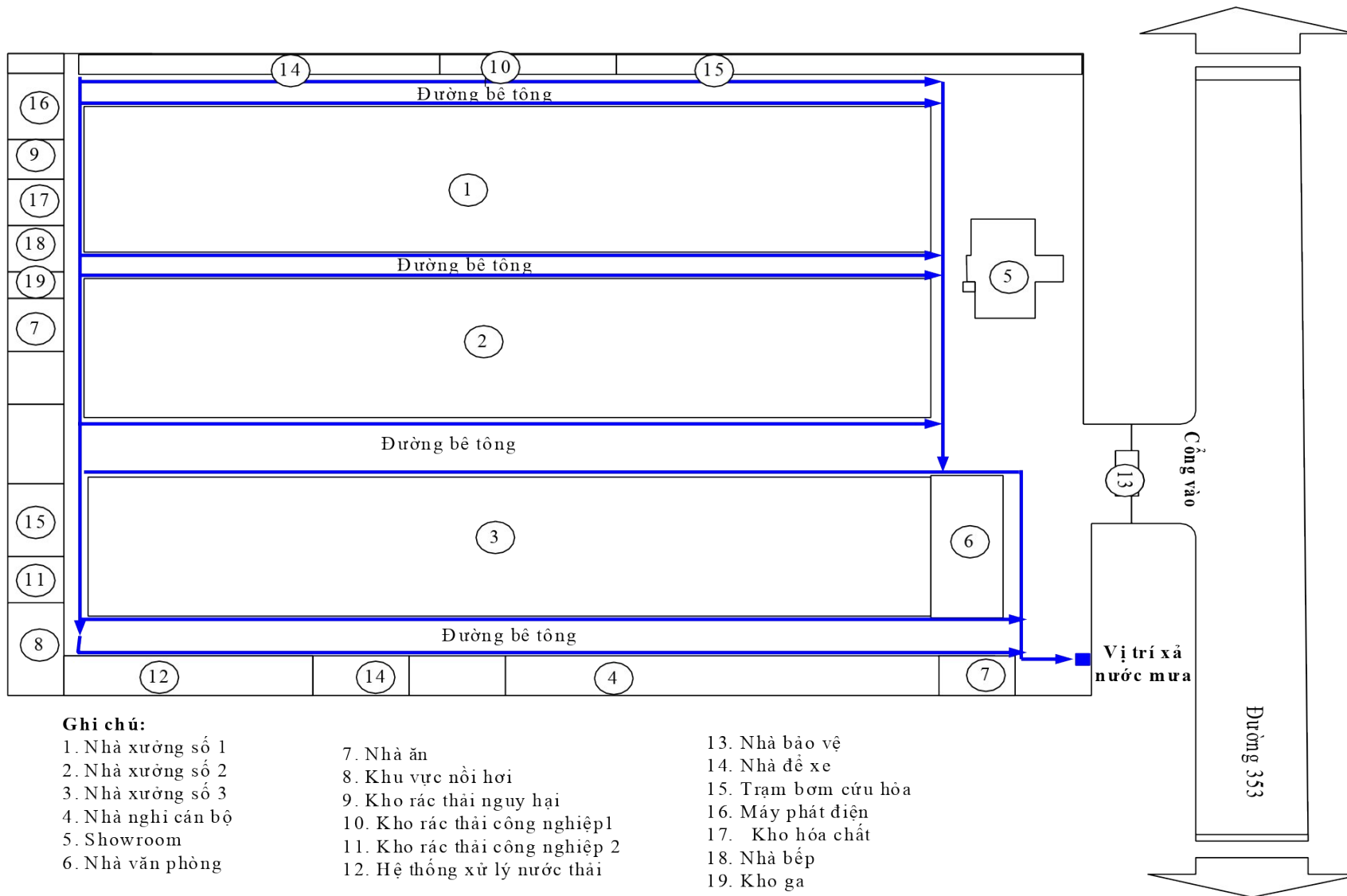
- Thông số kỹ thuật của công trình thu gom và thoát nước mưa:

+ Hệ thống cống BTCT D400 chiều dài 3.000m; D600 chiều dài 2.600m.

+ Trên hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga kích thước $1,2\text{ m} \times 1,2\text{ m} \times 1,2\text{ m}$.

Sơ đồ tổng mặt bằng thu gom nước mưa của Công ty như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London



Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom nước mưa hiện trạng của Công ty TNHH Yen of London

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

*** Nguồn phát sinh nước thải:**

Nước thải phát sinh tại Công ty từ các nguồn nước thải sau:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải từ xả đáy của nồi hơi đốt than công suất 1,5 tấn/giờ.
- Nguồn số 03: Nước thải từ bể đập bụi của hệ thống xử lý nước thải nồi hơi đốt than.

*** Nhu cầu xả nước thải:**

Căn cứ vào số liệu đồng hồ đo lưu lượng nước thải được ghi chép trong nhật ký vận hành của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, lưu lượng xả nước thải lớn nhất theo thực tế hiện nay của Công ty là khoảng 42 m³/ngày đêm. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty có công suất là **50 m³/ngày đêm** phù hợp với lưu lượng nước thải phát sinh.

*** Công trình, biện pháp thu gom nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ bồn cầu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải bếp ăn được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sau đó cùng với nước thải từ bồn chậu rửa mặt, thoát sàn theo đường ống dẫn tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước xả đáy nồi hơi được xả vào bồn chứa, để nguội về nhiệt độ môi trường sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm để xử lý. Khối lượng nước thải khoảng 5-7 lít/ngày.

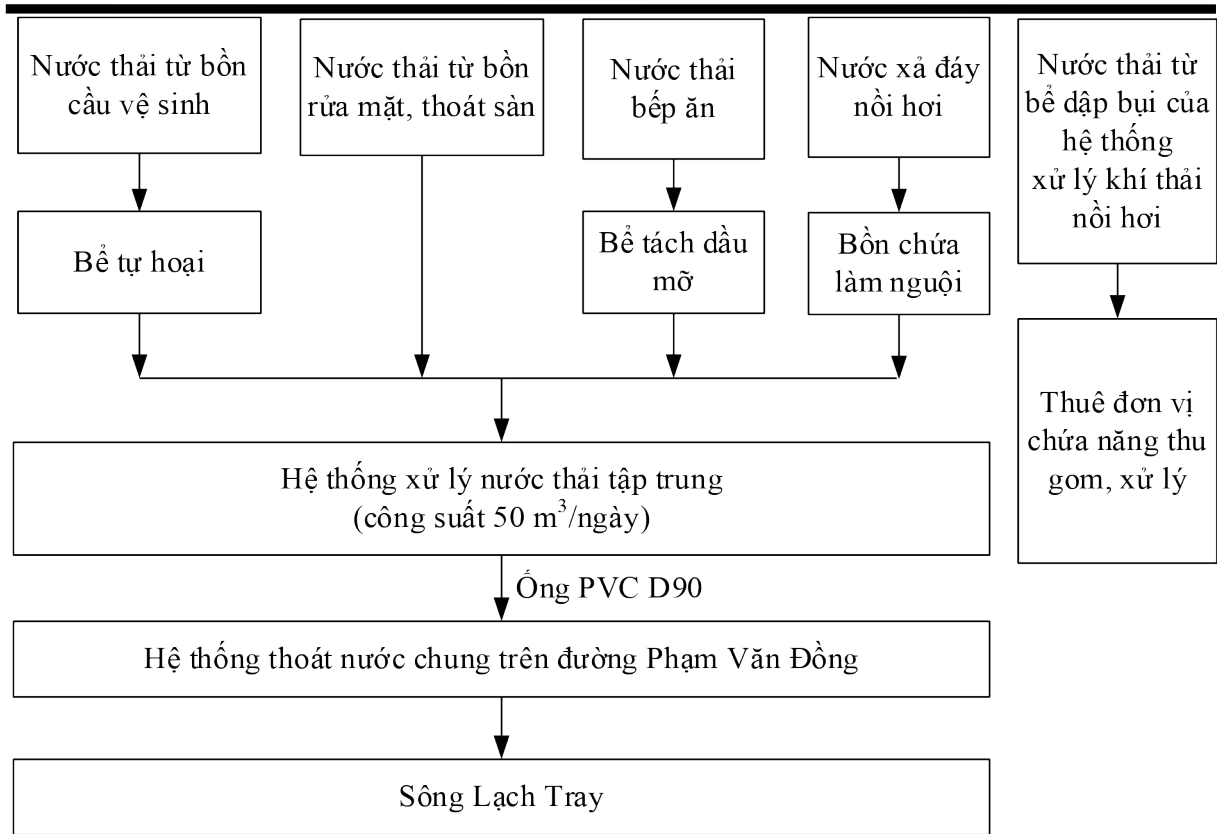
- Nguồn số 03: Nước thải từ bể đập bụi của hệ thống xử lý nước thải nồi hơi đốt than được thuê đơn vị chức năng đến nạo hút, đưa đi xử lý, không xả ra môi trường.

*** Công trình, biện pháp thoát nước thải**

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 50 m³/ngày đêm sẽ xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại Công ty. Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ theo đường ống nhựa PVC D90 xả vào hệ thống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng và chảy vào sông Lạch Tray.

*** Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Công ty:**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng



Hình 3. 3. Quy trình thu gom và thoát nước thải hiện trạng của Công ty TNHH Yen of London

*** Điểm xả nước thải sau xử lý:**

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Lạch Tray, đoạn chảy qua địa bàn phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng và xả ra sông Lạch Tray.

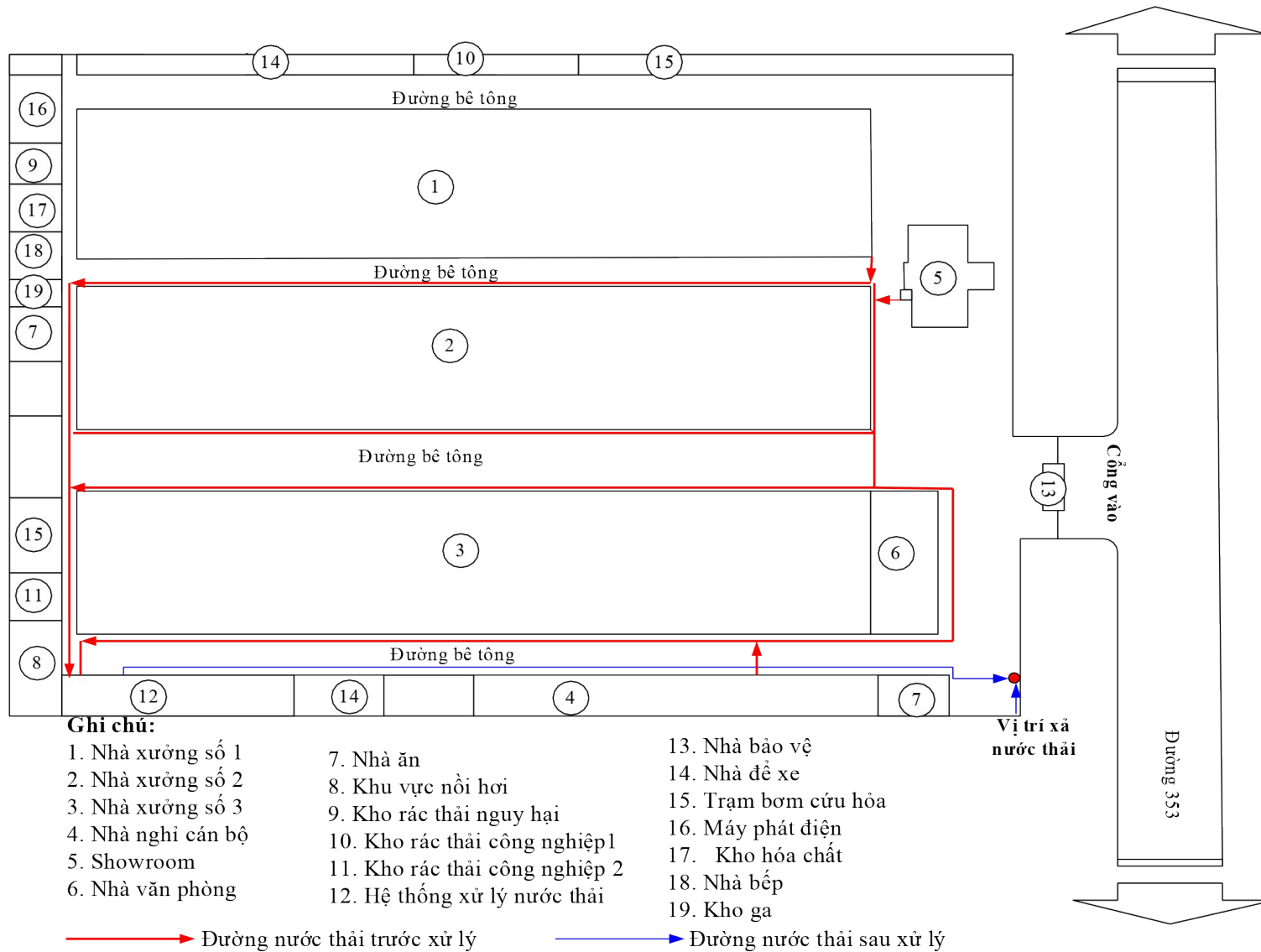
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2302196.914$; $Y(m) = 598898.375$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0).

- Phương thức xả thải: Toàn bộ nước thải của Công ty sau khi xử lý đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT sẽ được bơm theo đường ống D90 vào hố ga cuối sau đó chảy vào cống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng và xả vào sông Lạch Tray.

- Chế độ xả thải: Liên tục (24 giờ).

Sơ đồ tổng mặt bằng thu gom, thoát nước thải của Công ty được thể hiện tại hình sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng



Hình 3. 4. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải giai đoạn hiện tại của Công ty TNHH Yen of London

3.1.3. Xử lý nước thải

Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng và lắp đặt tại Công ty được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3. 1. Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt tại Công ty

TT	Tên công trình được xây lắp	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bể tự hoại 3 ngăn	BỂ	11	Tổng dung tích 191,68 m ³
2	Bể tách dầu mỡ	BỂ	01	Tổng dung tích 4,5 m ³
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Hệ thống	01	Công suất 50 m ³ /ngày đêm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm được xây dựng bởi Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án & Môi trường Bền Vững.

*** Bể tự hoại:**

- *Cấu tạo:* Bể tự hoại gồm 3 ngăn thông nhau, đáy bể đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành bể xây gạch đặc dày 200 mm trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm, nắp bể bằng BTCT mác M200 dày 150 mm.

- *Nguyên lý hoạt động:* Nước thải được làm sạch bởi hai quá trình chính lắng cặn và lên men. Do tốc độ nước qua bể rất chậm nên quá trình lắng cặn trong ngăn lắng có thể xem như quá trình lắng tĩnh. Dưới tác dụng của trọng lực các hạt cặn sẽ lắng dần xuống đáy bể. Tại đây các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân huỷ sẽ giảm mùi hôi, chất hữu cơ và thể tích. Tốc độ phân huỷ chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Hiệu suất xử lý của bể tự hoại phụ thuộc vào thời gian lưu nước thải trong bể, theo nghiên cứu có thể xử lý đạt 10% - 20% đối với các chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD) và 40% - 50% đối với các chất rắn lơ lửng (TSS).

- *Số lượng bể tự hoại:* 11 bể.

- *Vị trí xây dựng và kích thước:*

Bảng 3. 2. Vị trí xây dựng và kích thước các bể tự hoại

TT	Vị trí xây dựng	Số lượng (bể)	Kích thước (BxLxH)	Dung tích/bể (m ³)	Tổng dung tích (m ³)
1	Nhà xưởng số 1, 2 và 3, nhà văn phòng	06	5,7 x 3x 1,3m	22,23	133,38
		02	4,5 x 3,1 x 1,5m	20,93	41,86
2	Nhà nghỉ cán bộ, Showroom	02	3,8 x 1,5 x 1m	5,7	11,4
		01	1,8 x 2,8 x 1m	5,04	5,04
Tổng		11			191,68

*** Bể tách mỡ**

- *Cấu tạo:* Bể tách mỡ gồm 3 ngăn thông nhau, đáy bể đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành bể xây gạch đặc dày 200 mm trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm, nắp bể bằng BTCT mác M200 dày 150 mm.

- *Nguyên lý hoạt động:* Nước thải khu nhà bếp chứa dầu mỡ, sau khi đi qua song chắn rác để giữ lại các cặn bẩn và tạp chất lớn như xương động vật, rau thừa sẽ chảy trực tiếp vào bể tách dầu. Nước thải sau khi qua ngăn thứ nhất sẽ tiếp tục chảy sang ngăn thứ 2 để tiếp tục xử lý lượng dầu mỡ còn lại, nước thải sau khi xử lý tại ngăn thứ 2 tiếp tục chảy tràn qua ngăn thứ 3 để xử lý triệt để lượng dầu mỡ, phần nước không còn dầu mỡ sẽ được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý. Váng dầu mỡ được định kỳ thu gom xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

- *Số lượng bể:* 01 bể.

- *Vị trí xây dựng và kích thước:*

Bảng 3. 3. Vị trí xây dựng và kích thước bể tách dầu mỡ

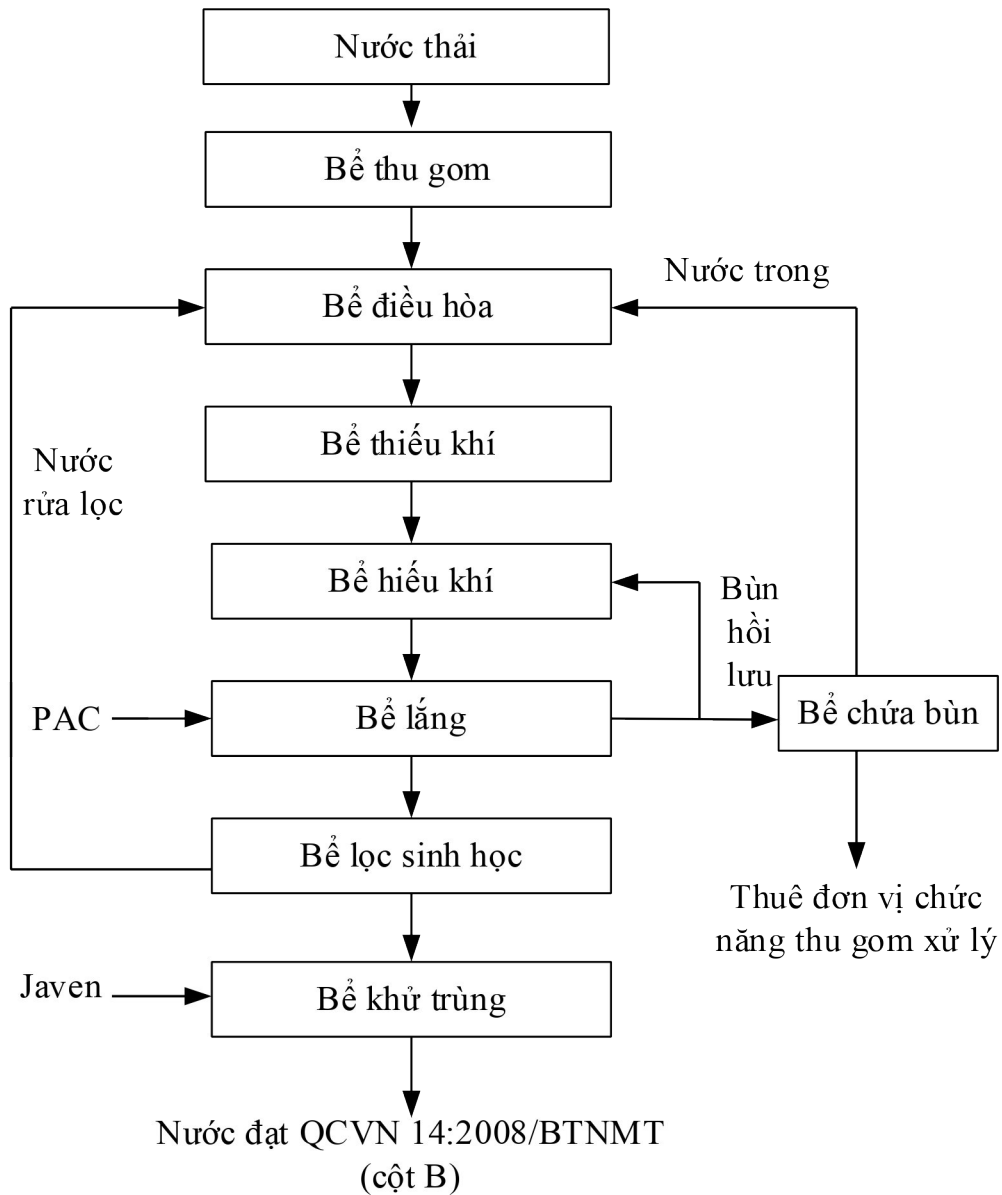
TT	Vị trí xây dựng	Thông số kỹ thuật	Số lượng (bể)	Dung tích (m³)
1	Khu vực nhà ăn	1,2 x 2,5 x 1,5m	01	4,5
		Tổng	01	4,5

*** Hệ thống xử lý nước thải tập trung:**

- *Cấu tạo:* Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm bao gồm các bể: Bể thu gom, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể lọc sinh học, bể khử trùng và bể chứa bùn. Các bể có đáy bể đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành bể xây gạch đặc dày 200 mm trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm.

- *Quy trình vận hành:* Nước thải à Bể thu gom à Bể điều hòa à Bể thiếu khí à Bể hiếu khí à Bể lắng à Bể lọc sinh học à Bể khử trùng à Hồ ga cuối à Hệ thống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng à Sông Lạch Tray.

- *Quy trình công nghệ:*



Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung

*** Thuyết minh:**

+ Bể thu gom: Toàn bộ nước thải sau khi qua xử lý sơ bộ được dẫn về bể thu gom. Bể thu gom có chức năng tập trung nước thải sau xử lý sơ bộ và là điểm trung gian để bơm chuyển nước lên bể điều hòa, góp phần ổn định dòng chảy và hỗ trợ vận hành hệ thống.

+ Bể điều hòa: Từ bể thu gom, nước thải được bơm lên bể điều hòa. Bể có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tránh sốc tải cho các công trình phía sau. Đồng thời, khí được cấp vào để khuấy trộn, hạn chế lắng cặn và phát sinh mùi.

+ Bể thiếu khí: Nước thải tiếp tục chảy sang bể thiếu khí. Tại đây diễn ra quá trình khử Nitrat, vi sinh vật sử dụng các hợp chất hữu cơ để chuyển hóa NO_3^- thành khí N_2 thoát ra khỏi nước, giúp loại bỏ Nitơ.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

+ Bể hiếu khí: Tại bể hiếu khí, hệ thống đĩa phân phối khí và máy thổi khí cung cấp oxy liên tục. Vi sinh vật hiếu khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ hòa tan và dạng keo (BOD, COD), chuyển hóa thành sinh khối mới, CO₂ và H₂O.

+ Bể lắng: Nước thải từ bể hiếu khí sẽ tự chảy sang bể lắng sinh học để lắng các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Dưới tác dụng của trọng lực, các chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể và đông tụ thành bùn. Phần nước trong trên bề mặt bể tiếp tục chảy sang bể lọc sinh học. Phần bùn dưới đáy bể một phần được hồi lưu lại bể hiếu khí, phần dư còn lại bơm vào bể chứa bùn. Tại bể lắng sử dụng hóa chất trợ lắng (PAC) giúp quá trình lắng nhanh hơn và loại bỏ cặn lơ lửng có trong nước thải triệt để.

+ Bể lọc sinh học: Vật liệu lọc sử dụng là đá và than hoạt tính. Nước thải sau khi qua bể lọc sẽ được giữ lại các chất cặn rắn lơ lửng còn sót lại trong nước thải. Phần nước trong sẽ sang bể khử trùng. Định kỳ 1 tháng/lần sẽ tiến hành sục rửa các lớp vật liệu lọc. Khi sục rửa lớp vật liệu lọc, sẽ bơm nước từ bể khử trùng vào đáy bể lọc. Sau đó, sục khí để làm sạch. Nước sau rửa lọc được dẫn về bể điều hòa.

+ Bể khử trùng: Tại đây, hóa chất Javen được bơm định lượng vào trong bể để loại bỏ các vi sinh vật có hại. Nước thải sau bể khử trùng đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Bể chứa bùn: Bùn thải tại bể chứa bùn định kỳ 01 năm/lần sẽ thuê đơn vị chức năng tới thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý.

- *Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung:*

Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Tên bể	Kích thước			Thể tích
		Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	
1	Bể thu gom	1,4	1,4	1,5	2,94
2	Bể điều hòa	4,2	2,7	3	34,02
3	Bể thiếu khí	4,2	1,7	3	21,42
4	Bể hiếu khí	4,2	2,2	3	27,72
5	Bể lắng	2,2	2,2	3,5	16,94
6	Bể lọc sinh học	2,00	2,2	3,0	13,2
7	Bể khử trùng	2,0	2,2	2,1	9,24

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

8	Bể chứa bùn	2,2	2,2	2,1	10,164
---	-------------	-----	-----	-----	--------

Bảng 3. 5. Thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Máy bơm bùn	Chiếc	2	Q = 2,4-9,6m ³ /h; H = 10,5-20m; P = 0,74kW
2	Máy bơm nước thải chìm	Chiếc	4	Q = 3-12m ³ /h ; H = 3-15m; P = 1,05kW
3	Đệm vi sinh	M ³	10	Bề mặt riêng 250-300m ² /m ³
4	Máy thổi khí đặt cạn	Chiếc	2	Chiều cao > 4m
5	Bơm định lượng hóa chất	Chiếc	2	Cột áp H = 5m
6	Động cơ khuấy trộn hóa chất	Chiếc	2	P = 0,4kW, 3 ppha/380v, tốc độ khuấy 60 vòng/phút
7	Trục khuấy, cánh khuấy inox	Bộ	2	Chế tạo bằng Inox SUS340
8	Tank hóa chất	Chiếc	2	D x H = 0,5m x 1,5m
9	Động cơ khuấy chìm	Chiếc	1	-
10	Đĩa phân phối khí	Chiếc	14	Q = 4-8m ³ /h; Tổn thất cột áp 400-600mmAq; Hiệu suất khuấy tán 20-40%
11	Ống phân phối trung tâm	Bộ	1	Chế tạo bằng inox SUS, đường kính 0,3m, cao 2,7m; dày 1,5mm
12	Giá đỡ đệm vi sinh	M ²	6,25	-
13	Than hoạt tính	Kg	200	Cỡ hạt 3-5mm, Diện tích bề mặt 800-1.500m ² /gam, Độ bền ≥ 96%, Chỉ số Mx 6-10

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

14	Đá lọc	M ³	2	-
15	Hệ thống điều khiển	Hệ thống	1	-

- *Chế độ vận hành:*

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty có công suất 50 m³/ngày đêm được vận hành liên tục 24/24 giờ.

- *Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng:*

Bảng 3. 6. Danh mục hóa chất sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng
1	PAC	Kg/tháng	52
2	Nước Javen	Lit/tháng	13
3	Đường công nghiệp D-glucose	Kg/tháng	75
4	NaOH (cân bằng PH nếu cần)	Kg/tháng	45

- *Chất lượng nước thải sau xử lý:* Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m³/ngày đêm của cơ sở hoạt động tốt, chất lượng nước thải sau xử lý cảm quan trong, không có mùi khó chịu. Định kỳ cơ sở thực hiện quan trắc và phân tích mẫu nước thải. Kết quả phân tích cho thấy chất lượng nước đều nằm trong giá trị giới hạn cho phép QCVN14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (cột B, K=1).

*** Các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải**

Cơ sở tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải đến nguồn nước tiếp nhận, cụ thể như sau:

- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật của các công trình xử lý nước thải.

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của các công trình xử lý nước thải, đảm bảo các công trình xử lý luôn hoạt động tốt nhất.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì và kịp thời sửa chữa hệ thống đường ống, các hố ga và các bể xử lý nước thải để tránh bị xuống cấp, hư hỏng.

- Định kỳ vệ sinh hệ thống đường ống, các hố ga; nạo hút bùn cặn tại các bể tự hoại, vớt váng dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

3.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của Công ty bao gồm:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải.
- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất (công đoạn trải, cắt vải; may, lắp ráp).
- Bụi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng.
- Bụi, khí thải từ nồi hơi đốt than.

3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

a. Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải

- Xe chở nguyên vật liệu, sản phẩm có đầy đủ giấy tờ đăng kiểm, chở đúng trọng tải, chạy đúng tốc độ và theo hướng dẫn của người điều hành ra vào Công ty.
- Khi vào trong Công ty, đỗ đúng nơi quy định, tắt máy khi không vận hành để giảm thiểu nhiên liệu tiêu đốt, giảm lượng khí thải sinh ra và giảm tiêu hao nhiên liệu.
- Thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ, phun ẩm vào ngày hanh nắng. Trồng cây xanh xung quanh khu vực, khuôn viên của công ty.

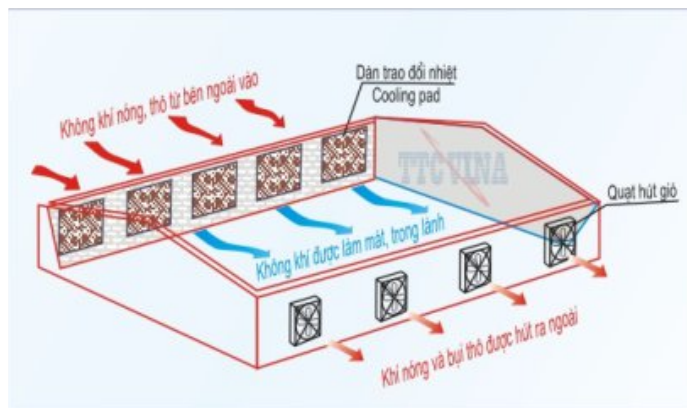
b. Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất (công đoạn trải, cắt vải; may, lắp ráp)

Nhằm kiểm soát bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất và đảm bảo điều kiện vi khí hậu trong nhà xưởng, Công ty áp dụng giải pháp thông gió và làm mát tự nhiên kết hợp cơ học, cụ thể như sau:

- Công ty sử dụng 40 tấm làm mát (cooling pad) được lắp đặt dọc tường nhà xưởng kết hợp với hệ thống quạt hút công suất 0,8 kW/quạt Hệ thống này có chức năng tăng cường trao đổi không khí, hút khí nóng, bụi và khí thải ra ngoài, đồng thời đưa không khí mát từ bên ngoài vào, góp phần đảm bảo môi trường làm việc thông thoáng và cải thiện điều kiện vi khí hậu trong nhà xưởng.

- Các biện pháp hỗ trợ khác:

- + Bố trí khoảng trống hợp lý trong khu vực sản xuất để đảm bảo lưu thông không khí;
- + Phân chia khu vực sản xuất theo từng công đoạn nhằm hạn chế phát tán bụi, khí thải;
- + Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa và cấp khí tươi (AHU – Air Handling Unit);
- + Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động công nhân theo quy định.



Hình 3. 6. Hình ảnh minh họa thông gió nhà xưởng

c. Đối với mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng tại khu vực riêng biệt, cách xa khu vực nhà xưởng, khu vực văn phòng.
- Các bể của hệ thống xử lý nước thải được xây trong nhà kín đảm bảo kín khí.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật, thường xuyên bổ sung chế phẩm vi sinh và nạo hút bùn cặn.

d. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

- Máy phát điện dự phòng được bố trí tại phòng riêng, định kỳ bảo dưỡng theo khuyến cáo của nhà cung cấp.
- Sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) có hàm lượng lưu huỳnh thấp (<0,5%) và đặc biệt là không có chì.

e. Bụi, khí thải từ khu vực nôi hơi

Hoạt động của nôi hơi đốt than sẽ làm phát sinh bụi, khí thải (CO, NO₂ và SO₂). Bụi, khí thải phát sinh được thu gom bằng hệ thống đường ống về hệ thống xử lý khí thải nôi hơi công suất là 10.000 m³/giờ. Bụi, khí thải sau xử lý sẽ theo ống xả bằng thép có kích thước D450 (cao 10 m) thải ra môi trường.

- Vị trí xả khí thải: Tại miệng ống xả của hệ thống xử lý khí thải nôi hơi công suất 10.000 m³/giờ.
- Tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 2302090.85; Y (m) = 598737.85 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰);
- Phương thức xả thải: Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua ống xả khí, xả liên tục trong quá trình sản xuất.

Hệ thống xử lý khí thải nôi hơi hoạt động theo nguyên lý xử lý bụi bằng cyclone kết hợp bể đập bụi ướt. Hệ thống xử lý khí thải nôi hơi được thiết kế và lắp đặt bởi Công ty TNHH Công nghệ cơ – nhiệt – điện và xây lắp.

- Quy trình vận hành: Khí thải à Ống thu gom khí thải à Xyclon lọc bụi thô à Xyclon lọc bụi tinh à Quạt hút 10.000 m³/giờ à Bể đập bụi ướt à Ống xả khí thải ra môi trường.

- Thuyết minh công nghệ xử lý: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình cháy trong buồng đốt của nôi hơi sẽ theo hệ thống đường ống đi vào xyclon lọc bụi thô có hình trụ. Tại đây, dòng khí mang theo bụi chuyển động xoáy tròn theo phương tiếp tuyến với ống trụ và theo lực ly tâm hướng xuống dưới phần của ống trụ. Dòng khí vào trong phần, chuyển động xoáy bên trong lòng ống và hướng lên trên thoát ra ngoài. Quá trình chuyển động xoáy tròn hướng xuống dưới và lên trên sẽ làm các hạt bụi trong dòng khí

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

va chạm vào thành ống, mất quán tính và theo trọng lực rơi xuống hộp thu tro bụi (định kì được lấy ra tập kết vào khu xỉ than).

Sau khi qua cyclone lọc bụi thô, dòng khí thải tiếp tục được quạt hút đưa vào cyclone lọc bụi tinh nơi các hạt bụi có kích thước nhỏ hơn tiếp tục được tách ra theo nguyên lý tương tự.

Dòng khí ra khỏi cyclon lọc bụi tinh tiếp tục đi vào bể đập bụi ướt theo chiều từ dưới lên. Bụi mịn và các khí NO₂, SO₂, CO₂ sẽ được hấp thụ trong nước. Dòng khí sạch sẽ theo ống xả ra ngoài môi trường. Định kỳ, nước trong bể sẽ được thuê đơn vị chức năng tới thu hút, mang đi xử lý không xả ra môi trường.

- Máy móc, thiết bị lắp đặt:

Bảng 3. 7. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi nôi hơi

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút khí thải	- Số lượng: 01 chiếc - Công suất: 5,5 kW - Lưu lượng: 10.000 m ³ /giờ
2	Cyclone lọc bụi thô	- Số lượng: 01. - Kích thước: D1000 x 3.000 mm. - Vật liệu: Thép SS400
3	Cyclone lọc bụi tinh	- Số lượng: 01. - Kích thước: D1000 x 2.100 mm. - Vật liệu: Thép SS400
4	Bể đập bụi	- Số lượng: 01 bể - Thể tích 6 m ³
5	Ống xả khí thải	- Số lượng: 01 ống - Kích thước: D450 - Chiều cao: 10 m. - Vật liệu: Thép SS400

- Chế độ vận hành: Hệ thống xử lý khí thải nôi hơi hoạt động gián đoạn theo thời gian hoạt động của nôi hơi.

- Yêu cầu về chất lượng khí thải sau xử lý: Bụi, khí thải phát sinh từ nôi hơi đốt than sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý khí thải công suất 10.000 m³/giờ đáp ứng yêu cầu của QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; hệ số Kp = 1,0; hệ số Kv = 0,6).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

- Tình trạng hoạt động: Hệ thống xử lý khí thải hiện đang hoạt động ổn định, các kết quả quan trắc định kỳ đối với khí thải sau xử lý đều đạt Quy chuẩn cho phép. Công ty đã cử cán bộ phụ trách việc quản lý, vận hành hệ thống xử lý và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành. Trong suốt thời gian hoạt động vừa qua, hệ thống chưa xảy ra sự cố.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Nguồn và khối lượng phát sinh chất thải rắn thông thường

* Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại Công ty gồm có những loại chất thải sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên như túi nilong, vỏ hoa quả, thức ăn thừa, chai nước giải khát...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất gồm: Giấy dập, giấy in sơ đồ thải từ công đoạn thiết kế mẫu, giác sơ đồ; Vải vụn, chi tiết cắt hỏng,... từ công đoạn cắt vải; Chỉ thừa, chi tiết may hỏng,... từ công đoạn may, lắp ráp; Cúc lỗi, sản phẩm hỏng,... từ công đoạn thừa khuy, đính cúc; Kim thừa từ công đoạn dò kim; Bao bì hỏng từ công đoạn đóng gói; Chất thải rắn từ nồi hơi đốt than (xỉ than).

- Chất thải khác: chất thải rắn từ hệ thống xử lý nước thải, khí thải (bùn cặn).

* Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

Bảng 3. 8. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng (năm 2025)	Khối lượng (khi hoạt động 100% công suất)
I	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg/năm	131.040	267.320
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg/năm	131.040	267.320
II	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Kg/năm	204.271	416.712,84
1	Bìa carton, giấy phế liệu	Kg/năm	19.471	39.720,84
2	Rác thải thông thường (vải vụn, chỉ thừa,...)	Kg/năm	28.800	58.752
3	Tro đáy, xỉ, bụi từ nồi hơi	Kg/năm	156.000	318.240
III	Chất thải khác	Kg/năm	43.641,01	89.063,28
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	Kg/năm	19.827,01	40.463,28
2	Bùn thải từ bể tự hoại	Kg/năm	23.814	48.600

3.3.2. Công trình, biện pháp quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Hiện tại, Công ty đang thực hiện các biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường phát sinh theo quy định tại Điều 75, Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố Hải Phòng. Trong đó, chất thải rắn sinh hoạt được phân loại thành chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại thành chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế; chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý.

*** Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Tại các khu vực xưởng sản xuất đặt các thùng chất thải rắn để phân loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh. Khi thùng chứa đầy, nhân viên vệ sinh sẽ mang chất thải rắn đến kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Bố trí 02 kho chứa chất thải rắn công nghiệp. Kho có diện tích 24 m² để chứa bao bì hỏng, bìa cotton, giấy phế liệu. Kho có diện tích 80m² để lưu chứa vải vụn, chỉ thừa...

- Đối với xỉ than từ nồi hơi đốt than được lưu trữ tại khu vực có diện tích 80 m² tại khu nồi hơi và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ thu gom rác thải công nghiệp thông thường với Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp trường phát (Hợp đồng số 01/HDTG ngày 23/09/2021, đính kèm Phụ lục).

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

- Trang bị các thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, sân đường giao thông. Nhân viên vệ sinh sẽ sử dụng xe rác loại lớn dung tích 500 lít thu gom, tập kết vào xe rác đặt tại các vị trí phù hợp. Cuối giờ chiều, nhân viên sẽ đẩy xe rác ra cổng để Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ Du lịch Hải Phòng đến thu gom.

- Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ thu gom rác sinh hoạt với Công ty cổ phần công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng (Hợp đồng số 6046/2026/HDTG – VC ngày 02/01/2026, đính kèm Phụ lục).

*** Đối với chất thải khác:**

- Đối với bùn cặn thải từ hệ thống xử lý nước thải, khí thải được lưu giữ tạm thời tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ khoảng 01 năm/lần kiểm tra mức bùn phát sinh tại bể, nếu vượt mức sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

3.4.1. Nguồn và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

* Nguồn phát sinh chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty gồm có bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.

* Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Căn cứ vào Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của Công ty, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty như sau:

Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)		Mã CTNH
				Hiện tại (49,19% công suất)	Khi hoạt động ổn định (100% công suất)	
I	Chất thải nguy hại			71	142,04	
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	NH	70	140	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	NH	1	2,04	17 02 03
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			21	42	
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng chứa dầu thải)	Rắn	KS	18	36	18 01 02
2	Giẻ dính dầu	Rắn	KS	3	6	18 02 01

3.4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Hiện tại, Công ty đang thực hiện các biện pháp quản lý chất thải nguy hại (CTNH) theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể như sau:

- Đã phân công nhân viên vệ sinh môi trường phụ trách việc quản lý, phân định, phân loại và chuyển giao CTNH theo quy định.

- Đã bố trí nhà kho chứa CTNH diện tích 5 m² có mái che, biển cảnh báo, nền bê tông chống thấm và có cửa ra vào khép kín.

- Bên trong kho CTNH bố trí xô đựng cát khô để kịp thời ứng phó trong trường hợp tràn đổ, rò rỉ chất thải nguy hại; Tại mỗi khu vực và thùng chứa CTNH có ghi tên chất thải và dán mã CTNH được lưu giữ; Trang bị thiết bị PCCC (bình bọt và bình bột chữa cháy).

- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng (theo Hợp đồng số 234/2025/HĐXLCT ngày 20/04/2025) để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại Cơ sở chủ yếu là từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và hoạt động của các máy móc, thiết bị tại khu vực xưởng sản xuất (máy cắt, máy may..), khu vực nồi hơi, khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Các phương tiện vận chuyển ra vào Công ty phải giảm tốc độ, đi theo hướng dẫn của bảo vệ và tắt máy khi dừng đỗ.

+ Các phương tiện, máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật và được thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

+ Tiếng ồn gây ra bởi Công ty phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Độ rung gây ra bởi Công ty phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các rủi ro, sự cố chính có thể xảy ra tại Công ty gồm sự cố cháy nổ, sự cố khi vận hành công trình bảo vệ môi trường (đối với khí thải và nước thải), tai nạn lao động, sự cố tai nạn điện trong sản xuất và các rủi ro, sự cố khác (như thiên tai...). Biện pháp phòng ngừa và ứng phó các rủi ro, sự cố cơ bản như sau:

3.6.1. Đối với sự cố cháy nổ

* *Biện pháp quản lý, phòng ngừa*

- Hệ thống PCCC của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng

cháy và chữa cháy số 76 do Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an Hải Phòng cấp ngày 04/05/2015, công trình văn phòng nhà xưởng X3 (kích thước 30m x12,5m) và số 40/TD-PCCC do Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an Hải Phòng cấp ngày 16/11/2018, công trình cải tạo nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2 và lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động.

- Công ty đã trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy tại chỗ bao gồm: Các biển báo về an toàn cháy nổ; bình chữa cháy, xe đẩy chữa cháy, thùng nước cứu hoả,... đặt tại các vị trí thuận tiện và trong các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao như kho nguyên liệu, kho sản phẩm và xưởng sản xuất...

- Công ty luôn nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối với một số nguy cơ gây cháy nổ cao như an toàn về điện, an toàn về sét đánh.

- Công ty đã thành lập Ban chỉ huy, Đội ứng trực sự cố cháy nổ và hàng năm sẽ kết hợp với Cảnh sát PCCC tổ chức tập huấn, diễn tập những kiến thức, kỹ năng về PCCC cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên.

** Biện pháp ứng phó sự cố*

- Khi phát hiện sự cố cháy nổ, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay đến Ban chỉ huy và Đội ứng trực sự cố cháy nổ, đồng thời sử dụng các trang thiết bị chữa cháy tại chỗ. Ban chỉ huy và Đội ứng trực tự ứng phó sự cố cháy nổ theo trách nhiệm đã được phân công và các kỹ năng đã được tập huấn, diễn tập trước đó.

- Trường hợp sự cố cháy nổ vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ, phải điện thoại cấp báo về tình hình và diễn biến của sự cố đến Cảnh sát PCCC và đồng thời xin sự trợ giúp nhằm chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kịp thời.

3.6.2. Đối với sự cố khi vận hành công trình bảo vệ môi trường

** Sự cố công trình xử lý khí thải*

- Tại khu vực nôi hơi đốt than niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành.

- Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp phụ trách việc quản lý, vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng các công trình, thiết bị xử lý khí thải.

- Cán bộ phụ trách phải vận hành các công trình, thiết bị xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành, nếu phát hiện bất thường phải liên hệ ngay đến đơn vị xây lắp để được hướng dẫn.

- Cán bộ phụ trách phải tuân thủ đúng chế độ kiểm tra, bảo dưỡng các công trình, thiết bị xử lý khí thải theo khuyến cáo của đơn vị xây lắp.

- Khi các công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải lập tức dừng ngay các hoạt động sản xuất phát sinh bụi, khí thải liên quan đến công trình xử lý đó và nhanh chóng thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố.

*** Sự cố công trình xử lý nước thải**

- Thường xuyên kiểm tra và kịp thời sửa chữa đường ống và các hố ga bị hư hỏng. Định kỳ vệ sinh đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể chứa bùn, bể lắng cặn; vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ.

- Tại khu vực xây lắp các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phải niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành.

- Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp phụ trách việc quản lý, kiểm tra, bảo dưỡng và vận hành các hệ thống xử lý nước thải.

- Cán bộ phụ trách phải vận hành đúng quy trình kỹ thuật, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành và thường xuyên kiểm tra bằng cảm quan chất lượng nước thải sau khi xử lý nếu phát hiện bất thường phải liên hệ ngay đến đơn vị xây lắp để được hướng dẫn.

- Cán bộ phụ trách phải tuân thủ đúng chế độ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải (hệ thống đường ống, hệ thống điện, hệ thống máy bơm, hệ thống động cơ....) theo khuyến cáo của đơn vị xây lắp.

- Luôn dự phòng các máy móc, thiết bị có nguy cơ bị hư hỏng cao như máy bơm, máy khuấy, máy cấp khí, phao báo mức.... và phải luôn dự trữ đủ lượng hoá chất để vận hành liên tục hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố phải tạm dừng việc xả nước thải về hệ thống xử lý và tạm dừng việc bơm nước thải từ bể điều hoà vào các bể xử lý và nhanh chóng thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố.

- Khi đã thực hiện các bước khắc phục nhưng vẫn không xử lý được sự cố, cán bộ vận hành hệ thống sẽ chủ động liên hệ trực tiếp với đơn vị tư vấn thiết kế hệ thống xử lý để nhận được sự hỗ trợ. Khi không thể khắc phục ngay sự cố phải tiến hành thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý lượng nước thải phát sinh.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung cần được quản lý chặt chẽ để tránh sự cố. Phòng ngừa sự cố bằng cách kiểm soát nguồn thải, bảo dưỡng hệ thống và giám sát thường xuyên. Ứng phó kịp thời nếu xảy ra rò rỉ, tràn nước thải nguy hại để giảm thiểu tác động môi trường. Giám sát liên tục và cải thiện hệ thống xử lý để đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải. Áp dụng đồng bộ các giải pháp trên giúp hệ thống vận hành an toàn, bảo vệ môi trường và tuân thủ quy định pháp luật.

3.6.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Đối với tai nạn lao động

- Tuyên truyền giáo dục về an toàn lao động cho người lao động, thường xuyên kiểm tra, giao trách nhiệm cho người quản lý của các bộ phận sản xuất đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy định về an toàn lao động.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

- Ban hành các quy định và quy trình an toàn lao động cho các công đoạn sản xuất, vận hành máy móc thiết bị.... và yêu cầu toàn thể người lao động phải thực hiện nghiêm các quy định này.

- Lắp đặt hoặc bổ sung những công cụ cần thiết ở những khu vực tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động để ngăn ngừa tai nạn lao động xảy ra.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn, bảo hộ lao động cá nhân thích hợp như quần áo, khẩu trang, găng tay, mũ và kính bảo hộ...

- Đảm bảo 100% người lao động của Công ty có bảo hiểm y tế và tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho toàn thể người lao động.

b. Sự cố tai nạn điện trong sản xuất

- Để tránh chập điện, mỗi khi hết giờ làm việc, các nhà xưởng đều cắt cầu dao tổng.

- Hệ thống dây dẫn điện đảm bảo công suất cho nhà máy hoạt động nhằm tránh tình trạng quá tải gây chập điện. Các ổ cắm điện được lắp đặt ổ 3 chấu có chấu thứ 3 nối đất để an toàn khi thiết bị điện rò điện ra bên ngoài.

- Hệ thống dây dẫn điện có vỏ bọc cách điện, đặt bên trong ống cách điện.

- Cầu dao, aptomat, role cắt điện nhanh được lắp đặt ở phía sau điện kế, đầu đường dây chính trong nhà xưởng được lắp cầu chì trước các ổ cắm điện, để khi nếu bị chập hoặc quá tải tránh nguy cơ gây cháy, nổ.

c. Sự cố ngộ độc thực phẩm

Công ty có tổ chức nấu ăn phục vụ cán bộ công nhân viên. Trong quá trình hoạt động, nếu công tác lựa chọn, bảo quản và chế biến thực phẩm không đảm bảo có thể dẫn đến nguy cơ ngộ độc thực phẩm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, làm gián đoạn hoạt động sản xuất và gia tăng chi phí y tế.

Nhận thức được vấn đề này, Công ty đã ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát an toàn thực phẩm tại khu vực bếp ăn tập thể như sau:

- Lựa chọn thực phẩm an toàn: Thực phẩm được lựa chọn từ các nhà cung cấp có uy tín, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo còn tươi sống và đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm.

- Bảo quản thực phẩm: Thực phẩm sau khi mua về được bảo quản đúng điều kiện quy định. Thực phẩm tươi sống và thực phẩm chín được bảo quản riêng biệt. Không sử dụng thực phẩm đã để quá lâu hoặc có dấu hiệu hư hỏng nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh vi sinh vật gây hại.

- Chế biến thực phẩm: Nhân viên chế biến thực hiện vệ sinh tay sạch sẽ trước khi chế biến. Sử dụng riêng dụng cụ cho thực phẩm sống và chín, không dùng chung để tránh

nhiễm chéo. Thực phẩm được nấu chín kỹ, đặc biệt là thịt, cá, trứng và hải sản. Không sử dụng dầu ăn đã qua sử dụng nhiều lần hoặc bị biến chất.

- Vệ sinh cá nhân và khu vực bếp: Nhân viên bếp tuân thủ quy định về vệ sinh cá nhân như rửa tay bằng xà phòng trước khi chế biến, trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Khu vực bếp ăn luôn được giữ sạch sẽ, thông thoáng.

- Vệ sinh dụng cụ, thiết bị: Các dụng cụ chế biến, xoong nồi, bát đĩa, thớt, dao... được vệ sinh thường xuyên bằng nước sạch và dung dịch tẩy rửa phù hợp, đảm bảo không tồn dư chất bẩn và vi khuẩn.

d. Đối với sự cố do thiên tai

- Lập kế hoạch chi tiết phòng chống lụt bão và các sự cố thiên tai trong giai đoạn hoạt động của Công ty.

- Trang bị kiến thức và tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố lụt bão và các sự cố thiên tai khác cho các cán bộ nhân viên của Công ty.

- Thường xuyên theo dõi dự báo về lụt bão và các hiện tượng thời tiết bất thường để kịp thời có kế hoạch ứng phó và phân công nhiệm vụ.

- Trong trường hợp mưa bão to, có kèm sét, chủ động ngừng sản xuất và ngắt toàn bộ hệ thống điện trong Công ty để tránh xảy ra chập cháy điện.

- Thực hiện tổng hợp các thiệt hại sau thiên tai và nhanh chóng khắc phục để đưa dây chuyền sản xuất hoạt động trở lại.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG THÀNH PHẦN

Các nội dung thay đổi của Công ty so với Đề án Bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-STN&MT ngày 10/6/2009 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1398/GP-UBND ngày 25/05/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

Bảng 3. 10. Nội dung thay đổi so với Đề án Bảo vệ môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
I	Theo Đề án Bảo vệ môi trường			
1	Diện tích	Diện tích sử dụng đất của Công ty là 20.000 m ²	Diện tích sử dụng đất của Công ty là 30.000 m ²	Diện tích sử dụng đất của Công ty tại thời điểm lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết năm 2009 là 30.000m ² phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 813097 ngày 12/9/2002 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên do lỗi đánh máy nên đã ghi nhầm là 20.000 m ² . Hiện tại, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 813097 ngày 12/9/2002 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đã được thay thế bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 07496901 ngày 27/3/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng.
2	Quy mô	Công suất sản xuất là 2.000.000 sản phẩm/năm	Công suất sản xuất là 2.500.000 sản phẩm/năm	Ngày 11/8/2023, Công ty được Sở Kế hoạch và đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
	sản xuất			cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 6526487207 điều chỉnh lần thứ tư với quy mô sản xuất và gia công sản phẩm may mặc, sản phẩm đan móc và thêu ren với công suất là 2.500.000 sản phẩm/năm. Tuy nhiên từ năm 2023 đến nay, Công ty vẫn chưa sản xuất đến công suất 2.500.000 sản phẩm/năm do Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm may mặc, chưa sản xuất sản phẩm đan móc và thêu ren. Theo số liệu năm 2025, sản phẩm may mặc của Công ty là 1.229.817 sản phẩm/năm (đạt 49,19% công suất).
II Theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1398/GP-UBND ngày 25/05/2021				
1	Chế độ xả thải	Xả gián đoạn	Xả liên tục	Theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, tại bể điều hòa được lắp đặt hệ thống phao bơm, do đó nước thải được xả theo chế độ gián đoạn với lưu lượng không ổn định. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, Công ty nhận thấy chế độ xả thải này chưa hiệu quả. Vì vậy, Công ty đã bổ sung hệ thống van điều tiết và bơm nước thải vận hành tự động nhằm điều hòa lưu lượng, dẫn đến sự thay đổi từ chế độ xả thải gián đoạn sang chế độ xả thải ổn định hơn (liên tục).

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải từ xả đáy của nồi hơi đốt than công suất 1,5 tấn/giờ.
- Nguồn số 03: Nước thải từ bể đập bụi của hệ thống xử lý nước thải nồi hơi đốt than.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

* Dòng nước thải số 01 (nguồn số 01, 02):

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm được bơm theo đường ống D90 vào hố ga cuối sau đó chảy vào cống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng và xả vào sông Lạch Tray.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng và xả ra sông Lạch Tray.

- Tọa độ xả nước thải: X(m) = 2302196.914; Y(m) = 598898.375 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm (theo công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.4. Phương thức xả nước thải: Toàn bộ nước thải của Công ty sau khi xử lý đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT sẽ được bơm theo đường ống D90 vào hố ga cuối sau đó chảy vào cống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng và xả vào sông Lạch Tray.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1 cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000		
5	Sunfua	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 14:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ bồn cầu à 11 bể tự hoại (tổng dung tích 191,68 m³) + nước thải bếp ăn à 01 bể tách dầu mỡ (dung tích 4,5m³/bể) + nước thải phát sinh từ bồn chậu rửa mặt, thoát sàn à Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 50m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước xả đáy nồi hơi à Bồn chứa à Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ bể đập bụi của hệ thống xử lý nước thải nồi hơi đốt than được thuê đơn vị chức năng đến nạo hút, đưa đi xử lý, không xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại 03 ngăn: 11 bể tự hoại 03 ngăn, tổng dung tích 191,68m³. Quy trình thu gom, xử lý sơ bộ: nước thải tại bồn cầu à bể tự hoại gồm 3 ngăn thông nhau à Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất: 50m³/ngày đêm.

- Bể tách mỡ 3 ngăn: 01 bể tách mỡ 03 ngăn, dung tích 4,5m³. Quy trình thu gom, xử lý sơ bộ: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn à bể tách dầu mỡ gồm 3 ngăn thông nhau à Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất: 50m³/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m³/ngày đêm:

+ Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Nước thải à Bể thu gom à Bể điều hòa à Bể thiếu khí à Bể hiếu khí à Bể lắng à Bể lọc sinh học à Bể khử trùng à Hồ ga cuối à Hệ thống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng à Sông Lạch Tray. Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Số lượng và công suất: 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, nước Javen, Đường công nghiệp D-glucose, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào bể khử trùng.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Công ty, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Công ty có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

- Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Công ty.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

4.2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ nồi hơi đốt than (công suất 1,5 tấn/giờ)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 10.000 m³/giờ. Tọa độ: X=2302090.85; Y=598737.85 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 6°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 10.000 m³/giờ (theo công suất của hệ thống xử lý khí thải nồi hơi)

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua ống xả khí, xả liên tục trong quá trình sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p=1, K_v=0,6), cụ thể như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
II	Dòng khí thải số 01			Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120		
2	CO	mg/Nm ³	600		
3	NO ₂	mg/Nm ³	510		
4	SO ₂	mg/Nm ³	300		

Ghi chú: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu của QCVN 19:2024/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh khu vực nồi hơi đốt than được thu gom bằng hệ thống đường ống về hệ thống xử lý khí thải nồi hơi công suất là 10.000 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải à Ống thu gom khí thải à Xyclon lọc bụi thô à Xyclon lọc bụi tinh à Quạt hút 10.000 m³/giờ à Bể đập bụi ướt à Ống xả khí thải ra môi trường.

+ Công suất thiết kế : 10.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành của hệ thống xử lý bụi, khí thải tại khu vực xây lắp.

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị để đảm

bảo hệ thống xử lý bụi, khí thải luôn hoạt động tốt nhất.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Khi có sự cố thu gom, xử lý và xả khí thải, phải dừng ngay hoạt động sản xuất phát sinh bụi, khí thải liên quan để kiểm tra và khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Công ty, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành các công trình xử lý bụi, khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng sản xuất số 01.

- Nguồn số 02: Khu vực xưởng sản xuất số 02.

- Nguồn số 03: Khu vực xưởng sản xuất số 03.

- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý khí thải.

- Nguồn số 06: Khu vực nhà đặt máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

- Theo QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E (Khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp)

2.2. Độ rung

- Theo QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (từ 06:00 đến trước 22:00)	Đêm (từ 22:00 đến trước 06:00)		
1	75	70	-	Khu vực D (Khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp)

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật.
- Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo máy móc luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.
- Định kỳ bảo dưỡng đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

4.4.1. Yêu cầu về quản lý chất thải

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khoảng 142,04 kg/năm.

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Khoảng 416.712,84 kg/năm.
- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 267.320 kg/năm.
- Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Khoảng 42 kg/năm.
- Chất thải khác (bùn thải): Khoảng 89.063,28 kg/năm.

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải

1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa chất thải nguy hại cao 01 tầng, kết cấu bê tông cốt thép, mái che kín, đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy đặt tại các vị trí phát sinh và xe đẩy thu gom rác.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 02 kho, diện tích 24 m² và 80m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa 01 tầng, kết cấu bê tông cốt thép, đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

4.4.3. Nội dung về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.5. CÁC NỘI DUNG KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.5.1. Nội dung về cải tạo, phục hồi môi trường

Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

4.5.2. Nội dung về bồi hoàn đa dạng sinh học

Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

4.5.3. Các nội dung khác về bảo vệ môi trường

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

5.1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện

- Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện:

+ Công ty đã có Quyết định số 68/QĐ-STN&MT ngày 10/06/2009 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Yen of London.

+ Công ty đã có Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1398/GP-UBND ngày 25/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

+ Công ty đã có 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m³/ngày đêm.

+ Công ty đã có 01 hệ thống xử lý khí thải nồi hơi đốt than công suất 10.000 m³/giờ.

+ Công ty bố trí các thùng chứa rác, xe thu gom và điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa tại điểm tập kết và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Công ty bố trí 02 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích khoảng 24 m² và 80m². Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế hoặc thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Công ty bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 5m². Kho lưu chứa chất thải nguy hại được bố trí riêng biệt theo quy định và CTNH được chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại.

- Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải, khí thải.

- Nộp đầy đủ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND quận Dương Kinh (nay là phường Hưng Đạo)

- Công ty lập Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường nộp về Sở Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định, cấp phép.

5.1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

Hàng năm Công ty có báo cáo Công tác bảo vệ môi trường gửi UBND quận Dương Kinh (nay là phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng), Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) bao gồm các nội dung:

- Công tác bảo vệ môi trường đối với nước thải.
- Công tác bảo vệ môi trường đối với bụi và khí thải.
- Công tác bảo vệ môi trường đối với chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất thông thường, chất thải nguy hại.
- Các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

5.2.1. Thông tin về tình hình xả thải

Tổng lượng nước thải hàng năm: Loại hình sản xuất tại Công ty phát sinh nước thải sinh hoạt. Toàn bộ nước thải sau xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; hệ số K=1) sau đó chảy vào sông Lạch Tray.

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2024 là 11.382 m³/năm;

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2025 là 12.239 m³/năm.

5.2.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ

- Thời gian quan trắc và đơn vị thực hiện quan trắc định kỳ 02 năm gần nhất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5. 1. Thời gian quan trắc và đơn vị thực hiện quan trắc

Đợt lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Đơn vị quan trắc và phân tích
Đợt 1 năm 2024	13/03/2024	Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam
Đợt 2 năm 2024	28/05/2024	
Đợt 3 năm 2024	17/09/2024	
Đợt 4 năm 2024	25/11/2024	
Đợt 1 năm 2024	19/03/2025	
Đợt 2 năm 2024	24/05/2025	
Đợt 3 năm 2024	22/08/2025	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

Đợt 4 năm 2024	002/12/2025	
----------------	-------------	--

Bảng 5. 2. Vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Yen of London

Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
Mẫu nước thải sinh hoạt sau hệ thống	NT	2302208.13	598907.89

- Quy chuẩn so sánh: QCBN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K=1)

- Kết quả quan trắc định kỳ mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải của Cơ sở năm 2024-2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả quan trắc								QCVN 14:2008/BTN MT (Cột B, K=1)
			Năm 2024				Năm 2025				
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	7,38	7,28	7,34	7,12	7,22	7,32	7,24	7,32	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	29,2	15,2	50,4	24,7	42,1	25,6	32,2	7,4	100
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	411	374	388	351	367	443	425	491	1.000
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	31,2	35,8	41,2	48,2	25,4	32,2	13,1	-	50
5	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	0,2	1,93	1,23	0,89	3,45	6,24	5,21	2,42	50
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	0,51	1,66	1,41	9,11	1,44	2,07	0,72	6,06	10
7	Sulfua (tính theo H ₂ S)BOD ₅ (20°C)	mg/l	0,12	0,26	0,3	0,46	0,12	0,15	0,18	-	4
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,2	9,8	9,8	9,8	-	-	-	-	10
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	2,8	2,6	2,8	3,9	1,9	2,3	KPH (MDL=1,1)	-	20
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	1,23	0,71	0,58	1,02	1,61	1,23	1,29	4,86	10
11	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	2.400	2.700	4.800	4.900	2,7x10 ³	3,4x10 ³	2,5x10 ³	-	5.000

*** Ghi chú:**

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau hệ thống xử lý. Tọa độ 2302196.914X; 598898.375Y

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1)

* **Nhận xét:** Căn cứ theo kết quả phân tích cho thấy các chỉ tiêu trong mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m³/ngày đêm của cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép.

5.2.3. Quản lý sự cố và công tác duy trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải

Tính đến thời điểm hiện tại, hệ thống xử lý nước thải của Công ty vận hành ổn định, chưa ghi nhận sự cố kỹ thuật hay hiện tượng kết quả quan trắc nước thải định kỳ vượt quy chuẩn cho phép. Công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống được thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý và duy trì hoạt động ổn định.

5.2.4. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả và mức độ phù hợp của hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty được thiết kế với công suất 50 m³/ngày đêm đáp ứng lượng nước thải phát sinh trong suốt quá trình hoạt động. Theo kết quả quan trắc định kỳ tại nhà máy, các mẫu nước thải đầu ra đều đạt các tiêu chuẩn môi trường quy định. Công suất hoạt động của hệ thống trong thực tế dao động từ 20-50 m³/ngày đêm, cho thấy hệ thống hoạt động hiệu quả và ổn định, không vượt quá khả năng xử lý.

Các chỉ số về chất lượng nước thải sau xử lý luôn trong giới hạn cho phép và không có trường hợp nào vượt quá quy định. Điều này chứng tỏ hệ thống đã đáp ứng tốt nhu cầu xử lý nước thải của công ty, đảm bảo việc xả nước thải ra môi trường không gây tác động xấu đến hệ sinh thái xung quanh.

Việc bảo trì, kiểm tra định kỳ và thực hiện các công tác vệ sinh hệ thống, kiểm tra các thiết bị quan trọng (như bơm, đường ống, tủ điện, hệ thống vi sinh...) đang được thực hiện ở Công ty giúp duy trì hiệu quả vận hành của hệ thống, duy trì chất lượng nước thải ổn định và đảm bảo sự vận hành liên tục, hiệu quả của công trình xử lý nước thải.

Hiện tại, hệ thống xử lý nước thải của công ty đang vận hành ổn định, đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn cho phép. Do đó, hệ thống xử lý nước thải hiện tại hoàn toàn có khả năng đáp ứng nhu cầu xử lý một cách hiệu quả và bền vững.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện đang hoạt động ổn định, các kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải sau xử lý đều đạt Quy chuẩn cho phép. Cơ sở đã cử cán bộ chuyên môn phụ trách việc quản lý, vận hành hệ thống xử lý và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành.

5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI

5.3.1. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ

Công ty TNHH Yen of London đã tiến hành quan trắc các mẫu khí thải định kỳ. Kết quả được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 5. 4. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ của Cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								QCVN 19: 2009/BTNMT
			T3	T6	T10	T12	T3	T6	T10	T12	
			2024	2024	2024	2024	2025	2025	2025	2025	
1	SO ₂	mgNm ³	0,098	0,108	0,108	0,106	0,113	0,124	0,109	KPH	300
2	NO ₂	mgNm ³	0,099	0,093	0,105	0,098	0,094	0,84	0,083	KPH	510
3	CO	mgNm ³	3,93	4,21	4	4	4,764	6,347	4,096	KPH	600
4	Bụi Tổng	mgNm ³	0,128	0,127	0,122	0,128	0,13	0,141	0,142	0,116	120

Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của Công ty TNHH Yen of London

*** Ghi chú:**

- Vị trí quan trắc khí thải:

+ KT: Khu vực nôi hơi tọa độ X(m) =2302090.87; Y (m) = 598737.85

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p=1, K_v=0,6).

*** Nhận xét:**

So sánh kết quả đo đạc, phân tích mẫu khí thải với QCVN 19:2009/BTNMT nhận thấy, giá trị của các thông số ô nhiễm trong khí thải đều đạt Quy chuẩn cho phép. Như vậy, hệ thống xử lý bụi, khí thải nôi hơi hoạt động có hiệu quả, đã giảm thiểu được tác động tiêu cực của nguồn phát sinh bụi, khí thải đến môi trường xung quanh.

5.3.2. Quản lý sự cố và công tác duy trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải

Tính đến thời điểm hiện tại, các hệ thống xử lý khí thải của Công ty vận hành ổn định, không ghi nhận sự cố kỹ thuật hay kết quả quan trắc khí thải định kỳ vượt quy chuẩn cho phép. Kết quả quan trắc gần nhất đều đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Công tác duy tu, bảo dưỡng và thay thế thiết bị của hệ thống xử lý khí thải được thực hiện định kỳ bởi cán bộ chuyên trách để đảm bảo hiệu quả vận hành và tuân thủ quy định pháp luật.

5.3.3. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả và mức độ phù hợp của hệ thống xử lý khí thải

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

Hệ thống xử lý khí thải nôi hơi của Công ty được thiết kế và vận hành theo các tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả cao trong việc giảm thiểu ô nhiễm không khí và tác động đến môi trường.

Kết quả quan trắc môi trường lao động và môi trường xung quanh nhà máy hằng năm cho thấy các chỉ tiêu bụi, khí thải trong các xưởng sản xuất đều đạt tiêu chuẩn cho phép theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên Môi trường. Điều này khẳng định hệ thống xử lý khí thải đang vận hành ổn định, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và quy định về bảo vệ môi trường.

5.4. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI

5.4.1. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt gồm: Giấy, vỏ hộp, thức ăn thừa, túi nilon... phát sinh hàng ngày và được thu gom, vận chuyển xử lý bởi Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ Du lịch Hải Phòng với khối lượng thống kê như sau:

Bảng 5. 5. Bảng thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn)	
	Năm 2024	Năm 2025
Chất thải rắn sinh hoạt	131,04	131,04

5.4.2. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm: thùng carton hỏng, giấy, bì nilong, vỏ bao bì, sắt phế,... phát sinh hàng ngày và được thu gom, vận chuyển xử lý bởi Công ty Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp trường phát với khối lượng thống kê như sau:

Bảng 5. 6. Bảng thống kê khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải	Khối lượng phát sinh (kg)	
	Năm 2024	Năm 2025
Chất thải rắn công nghiệp thông thường	49.461	48.271

5.4.3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động văn phòng, hoạt động sản xuất và được thu gom, vận chuyển xử lý bởi Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng với khối lượng thống kê như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

Bảng 5. 7. Bảng thống kê khối lượng chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng năm 2025(kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	KS	Đ, ĐS	18	18 01 02
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	NH	Đ, ĐS	70	16 01 06
3	Giẻ dính dầu	Rắn	KS	Đ, ĐS	3	18 02 01
	Tổng				91	

5.5. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần đây (từ năm 2024 đến nay), Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý và kiểm soát nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh. Trong quá trình hoạt động, Công ty chưa ghi nhận xảy ra sự cố môi trường nào ảnh hưởng đến khu vực và địa phương. Đồng thời, từ năm 2024 đến nay, Công ty chưa phát sinh hoạt động kiểm tra, thanh tra về lĩnh vực bảo vệ môi trường từ các cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Công ty TNHH Yen of London đã được UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1398/GP-UBND ngày 25/5/2021 và Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 68/QĐ-STN&MT ngày 10/06/2009. Căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

*** *Quan trắc định kỳ đối với nước thải***

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

*** *Quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải***

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

* Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải: Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

* Quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải: Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải theo quy định Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở

Theo quy định của pháp luật, Công ty không phải thực hiện việc quan trắc nước thải, khí thải định kỳ. Tuy nhiên, để kiểm soát chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực, đồng

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Yen of London tại phường Hưng Đạo, thành Phố Hải Phòng

thời để đánh giá nội bộ việc vận hành các công trình, biện pháp xử lý nước thải, Công ty đề xuất thực hiện việc quan trắc định kỳ đối với nước thải tại Công ty như sau:

Bảng 6. 1. Kế hoạch quan trắc nước thải định kỳ của Công ty

STT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn đánh giá
1	Tại hố ga cuối trước khi xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung trên đường Phạm Văn Đồng. Toạ độ: X= 2302196.914 m; Y = 598898.375 m	01 năm/lần	pH; BOD ₅ (20 ⁰ C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H ₂ S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P); Tổng Coliform.	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B; K=1,0)
2	Tại ống xả khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải nổi hơi. Toạ độ: X=2302090.85; Y=598737.85	01 năm/lần	Lưu lượng; Bụi tổng; CO; SO ₂ ; NO _x (tính theo NO ₂).	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K _p = 1,0; K _v = 0,6)

6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Dự trù kinh phí thực hiện việc quan trắc môi trường, lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm của Công ty là khoảng 100.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

**CHƯƠNG VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU
CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC
DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

Căn cứ Quyết định 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/07/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, một dự án đầu tư chỉ được xác nhận là ‘dự án xanh’ khi đồng thời đáp ứng hai điều kiện: (i) có văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (trừ trường hợp được miễn) và (ii) thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc mang lại lợi ích môi trường rõ rệt theo các yêu cầu tại Phụ lục danh mục phân loại xanh của Quyết định này. Công ty TNHH Yen of London không thuộc danh mục phân loại xanh theo tiêu chí phân loại nêu trên và không phải thực hiện thủ tục xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh khi làm hồ sơ môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Yen of London cam kết các nội dung như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, số liệu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, xử lý, xả thải nước thải, bụi và khí thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác đảm bảo vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố môi trường, sự cố cháy nổ và các sự cố khác.
- Cam kết thực hiện việc quan trắc giám sát chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.
- Cam kết dành khoản kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ môi trường, giám sát chất lượng môi trường và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.
- Cam kết quản lý tốt nguồn thải, xử lý tốt các vấn đề khi có phản ánh của nhân dân và chính quyền địa phương.

PHỤ LỤC CỦA BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0200461255, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 06 năm 2025 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp.
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 6526487207 chứng nhận đăng ký lại ngày 05/02/2008, chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 11/8/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA07496901 ngày 27/01/2026 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng cấp.
4. Quyết định số 68/QĐ-STN&MT ngày 10/06/2009 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Yen of London.
5. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1398/GP-UBND ngày 25/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
6. Hợp đồng dịch vụ thu gom rác sinh hoạt số 6046/2026/HDTG – VC ngày 02/01/2026 Công ty cổ phần công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng
7. Hợp đồng số 01/HDTG ngày 23/09/2021 dịch vụ thu gom rác thải công nghiệp thông thường với Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp trường phát.
8. Hợp đồng số 234/2025/HĐXLCT ngày 20/04/2025 với Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.
9. Hóa đơn thu gom rác thải sinh hoạt
10. Biên bản xác nhận việc chuyển giao chất thải công nghiệp
11. Chứng từ thu gom CTNH
12. Hợp đồng số 52-25/MT-MTT ngày 12/05/2025 với Công ty TNHH Công nghệ cơ – nhiệt – điện và xây lắp để bảo dưỡng nồi hơi 1,5 tấn/giờ.
13. Biên bản nghiệm thu bảo dưỡng nồi hơi công suất 1,5 tấn/giờ.
14. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 40/TD-PCCC do Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an Hải Phòng cấp ngày 16/11/2018
15. Hóa đơn tiền nước, tiền điện.
16. Phiếu kết quả quan trắc khí thải; nước thải.
17. Các bản vẽ tổng mặt bằng hệ thống xử lý nước thải.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200461255

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 02 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 13 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LONDON

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YEN OF LONDON COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: YEN OF LONDON CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3581906/0225.3581907/0225.3581908

Fax: 0225.3581912

Email: thanh.ld@newworldfashion.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ : 113.598.827.600 đồng.

Bằng chữ: Một trăm mười ba tỷ năm trăm chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài: 6.083.642 USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: NEW WORLD FASHION LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1044665

Ngày cấp: 11/08/2006 Nơi cấp: Cơ quan Đăng ký công ty British Virgin Islands

Địa chỉ trụ sở chính: Pasea Estate, Road Town, Tortola, British Virgin Islands , **LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH, BẮC IRELAND, WALE**

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM MINH NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 30/11/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031058018838

Ngày cấp: 13/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 3, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Biệt thự Nam of London, Khu 3, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6526487207

Chứng nhận đăng ký lại: Ngày 05 tháng 02 năm 2008

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 14 tháng 6 năm 2012

Chứng nhận cấp đổi, điều chỉnh lần thứ ba: Ngày 17 tháng 03 năm 2022

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư: Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 72/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yen of London nộp ngày 03/08/2023,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: “DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC, SẢN PHẨM ĐAN MÓC VÀ THÊU REN”; mã số dự án mã số dự án 6526487207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng chứng nhận đăng ký lại ngày

05/02/2008, chứng nhận cấp đổi, điều chỉnh lần thứ ba ngày 17/3/2022 được đăng ký điều chỉnh thông tin nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án, bổ sung mục tiêu, quy mô dự án, tăng tổng vốn đầu tư, vốn góp thực hiện dự án và bổ sung tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yen of London; mã số doanh nghiệp: 0200461255 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 05/02/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 05/7/2023. Địa chỉ trụ sở chính: Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 0225.3581.906/ 0225.3581.907/ 0225.3581.908.

Fax: 0225.3581.912.

Email: thanh.ld@newworldfashion.com.vn.

Website: newworldfashiongroup.com.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh Nam; chức danh: Chủ tịch Công ty; sinh ngày: 30/11/1958; quốc tịch: Anh; hộ chiếu số: 538258765 do Văn phòng hộ chiếu Hoàng gia Anh cấp ngày 30/7/2016; địa chỉ thường trú: 54 Stradroke Drive Chigwell, Essex, London IG75QZ, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland; chỗ ở hiện tại: Villa Công ty Du lịch Vạn Hoa tại khu 3, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Điện thoại: 02253.581.908; fax: 0225.3581.912; email: namP@dongtai.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC, SẢN PHẨM ĐAN MÓC VÀ THÊU REN.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Sản xuất trang phục (Sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc, sản phẩm đan móc và thêu ren).	1410,1430	

2	Thực hiện quyền xuất khẩu các sản phẩm may mặc, các sản phẩm đan móc và thêu ren và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật, không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	8299	
3	Thực hiện quyền nhập khẩu các nguyên phụ liệu hàng may mặc (ví dụ: vải, chỉ may, nút, cúc, khóa kéo, lớp lót, nút ngực, đệm vai, móc áo, ghim, vv...); các máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành may (ví dụ: máy may, máy vắt sổ, máy viền, máy làm khuy, máy nút, máy cắt vải, máy may bao, kéo bấm chỉ, kéo cắt vải, kéo đa năng, súng ghim, bàn ủi, vv...) và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật, không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	8299	
4	Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các nguyên phụ liệu hàng may mặc (ví dụ: vải, chỉ may, nút, cúc, khóa kéo, lớp lót, nút ngực, đệm vai, móc áo, ghim, vv...); các máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành may (ví dụ: máy may, máy vắt sổ, máy viền, máy làm khuy, máy nút, máy cắt vải, máy may bao, kéo bấm chỉ, kéo cắt vải, kéo đa năng, súng ghim, bàn ủi, vv...) và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật, không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	4659, 4669	622

3. Quy mô dự án:

- Đối với mục tiêu sản xuất và gia công sản phẩm may mặc, sản phẩm đan móc và thêu ren: Công suất 2.500.000 sản phẩm/năm.

- Đối với mục tiêu thực hiện quyền xuất khẩu hàng hóa: Doanh thu dự kiến vào năm hoạt động ổn định (năm 2025) là 1.494.200.000.000 VNĐ/năm, tương đương 65.989.399 USD/năm.

- Đối với mục tiêu thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn); Doanh thu dự kiến vào năm hoạt động ổn định (năm 2026) là 17.000.000.000 VNĐ/năm, tương đương 728.051 USD/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 30.000 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 813097 do Ủy ban nhân dân thành phố cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yen of London ngày 12/9/2002).

6. Tổng vốn đầu tư: **105.510.000.000 VNĐ** (bằng chữ: Một trăm linh lăm tỷ, năm trăm mười triệu đồng), tương đương **5.500.000 USD** (bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ), trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là **80.298.827.600 VNĐ** (bằng chữ: Tám mươi tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng), tương đương **4.083.642 USD** (bằng chữ: Bốn triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 74,25% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	New World Fashion Limited	45.988.827.600	2.583.642	100%	Bằng tiền mặt	Tính đến ngày 31/12/2007, số vốn điều lệ này đã được góp đủ (tính theo tiền đô la Mỹ).
		22.640.000.000	1.000.000			Trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cấp đổi và điều chỉnh lần thứ ba.

		11.670.000.000	500.000			Trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ tư.
--	--	----------------	---------	--	--	---

- Vốn huy động: Vay 25.211.172.400 (Hai mươi lăm tỷ, hai trăm mười một triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm đồng), tương đương 1.416.358 (Một triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 35 (ba mươi lăm) năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư số 38/GP-HP ngày 10 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Số vốn góp tăng thêm là 11.670.000.000 (Mười một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu) đồng, tương đương 500.000 (Năm trăm nghìn) đô la Mỹ được góp trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ tư.

- Tiến độ huy động vốn:

+ Quý I năm 2022: Vay 3.452.484.242 VNĐ (bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng), tương đương 147.480 USD (bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi tám đô la Mỹ) từ công ty thành viên trong Tập đoàn.

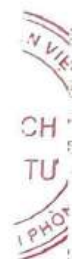
+ Dự kiến từ quý II năm 2024 đến quý II năm 2026: Vay 21.758.688.158 VNĐ (bằng chữ: Hai mươi một tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, một trăm năm mươi tám đồng), tương đương 1.268.878 USD (bằng chữ: Một triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi tám đô la Mỹ) của Chủ sở hữu, các công ty thành viên trong Tập đoàn và các ngân hàng thương mại.

b) Tiến độ khai thác vận hành:

- Đối với mục tiêu sản xuất: Dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối với mục tiêu thực hiện quyền xuất khẩu: Chính thức hoạt động vào tháng 7 năm 2022.

- Đối với mục tiêu thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn): Hoạt động ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ tư.



Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Kế thừa ưu đãi tại Giấy chứng nhận đầu tư số 021043000067 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chứng nhận đăng ký lại ngày 05/02/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14/6/2012:

- Dự án được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam tiền thuê đất hàng năm kể từ khi hoàn thành thủ tục thuê đất đối với diện tích đất sử dụng tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng theo quy định của Hợp đồng thuê đất tại từng thời điểm và được ổn định 05 (năm) năm.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư/doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện kê khai và thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định của Luật thuế hiện hành;

2. Nhà đầu tư/doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện báo cáo thông qua hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định tại: Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020, Điều 64 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia về giám sát đầu tư; thực hiện quy định về báo cáo tài chính kiểm toán theo Luật kiểm toán độc lập, Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.

Trong quá trình thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các loại hàng hóa, nhà đầu tư/doanh nghiệp phải tuân thủ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các quy định về quản lý chuyên ngành khác có liên quan của Nhà nước Việt Nam và quy định về thủ tục Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).

Nhà đầu tư/doanh nghiệp làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh để thực hiện các hoạt động: (i) quyền nhập khẩu, (ii) quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) hàng hóa quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (bao gồm: dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí).

3. Địa điểm thực hiện dự án của nhà đầu tư phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, phòng - chống cháy nổ, an ninh trật tự và các quy định khác liên quan của Nhà nước Việt Nam.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quy định về nội dung dự án đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư số 6526487207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng chứng nhận đăng ký lại ngày 05/02/2008, chứng nhận cấp đổi, điều chỉnh lần thứ ba ngày 17/3/2022.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yen of London được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sao gửi các sở, ngành, đơn vị để phối hợp:
- + Các Sở: XD, TNMT, CT, GTVT, LĐTĐBXH;
- + Công an thành phố;
- + Cục Thuế TP, Cục Hải quan TP;
- + BHXH TP;
- + UBND quận Dương Kinh;
- + UBND phường Anh Dũng;
- + Các phòng: ĐKKD, KTĐN (V.T.T.H);
- Lưu: VT.


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Hải Yến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LONDON

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: 0200461255 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính) cấp

2. Thông tin thửa đất:

- a. Thửa đất số: 10; tờ bản đồ số: 130, b. Diện tích: 30000,0m²,
c. Loại đất: Đất thương mại, dịch vụ, d. Thời hạn sử dụng: Đến tháng 4/2037,
đ. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,
e. Địa chỉ: Phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.

3. Thông tin tài sản gắn liền với đất:

Tên tài sản: Nhà xưởng sản xuất; Nhà xưởng B1; Nhà xưởng B2; Nhà ăn và lưu trú; Nhà văn phòng,
Thông tin chi tiết của các tài sản được thể hiện tại mã QR của Giấy chứng nhận

Hải Phòng, ngày 27 tháng 1 năm 2026

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
GIÁM ĐỐC

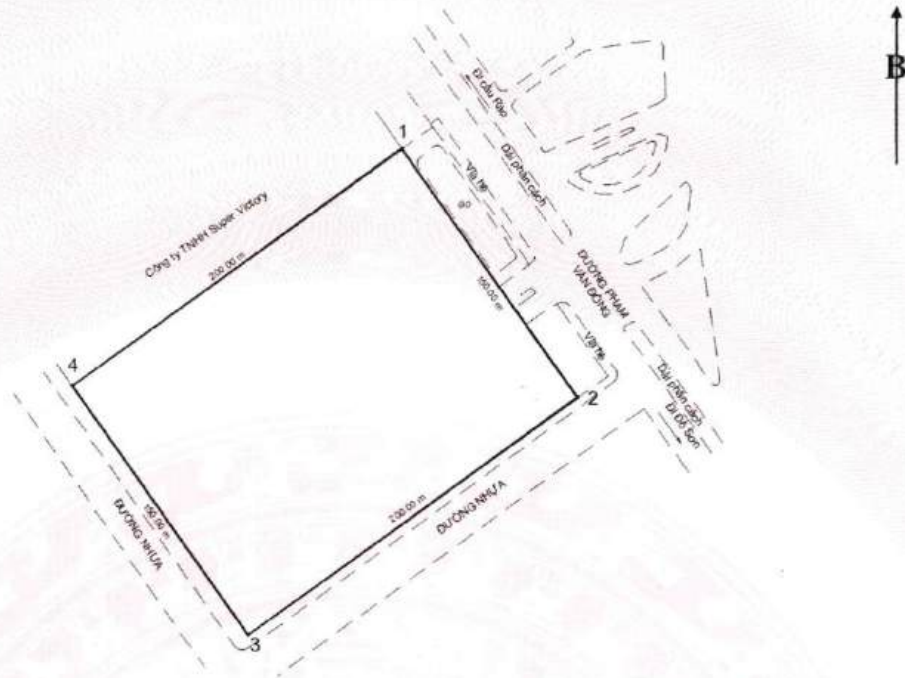


Phạm Thanh Hải

AA 07496901

Thông tin chi tiết được thể hiện tại mã QR.

4. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:



5. Ghi chú: -/-

6. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP.10857.....

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Số: 68 /QĐ-STN&MT

Hải Phòng, ngày 10 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường của
Công ty TNHH Yen of London

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ khoản 9, Điều 1, Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 04/TT-BTNMT ngày 18/9/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 25/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 423/2006/QĐ-UB ngày 27/02/2006 về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Xét đề nghị của Công ty TNHH Yen of London tại Công văn số 34-CV/YOL ngày 14/01/2009 về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường Công ty TNHH Yen of London;
- Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Quản lý Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt nội dung Đề án Bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Yen of London.

Điều 2: Công ty TNHH Yen of London có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong Đề án đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Vận hành thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với hệ thống xử lý nước thải. Duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý môi trường để luôn đảm bảo chất thải đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường.

- Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động sản xuất, sinh hoạt và các loại hình khác theo đúng quy định của pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty phải đảm bảo các thông số về tiếng ồn, độ rung đạt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ tối thiểu 2 lần/năm báo cáo kết quả quan trắc môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

3. Quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu vực hoạt động của cơ sở. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hậu quả nếu để xảy ra sự cố môi trường. Tăng cường các giải pháp làm đẹp cảnh quan, tăng diện tích thảm thực vật để giảm thiểu ô nhiễm và góp phần cải tạo cảnh quan cho khu vực.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của Đề án Bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty TNHH Yen of London phải có văn bản báo cáo cơ quan phê duyệt về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3: Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Yen of London và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Yen of London.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn Phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH Yen of London, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Phòng QLMT;
- Lưu VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Thọ

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

05-08-2015

Số: 2087... Quyển số: 02...

CHỦ TỊCH ỦY BAN PHƯƠNG PHAM HỒNG THÁNH



CHỖ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hoa

Số: 1398 /GP-UBND

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;
Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Công ty TNHH Yen of London và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 203/TTr-STN&MT ngày 14 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Yen of London, địa chỉ trụ sở chính tại đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng được xả nước thải vào nguồn nước sau khi xử lý đạt quy chuẩn, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Lạch Tray, đoạn chảy qua địa bàn phường Anh Dũng, quận Dương Kinh.

2. Vị trí xả nước thải:

- Cơ sở xả nước thải: Công ty TNHH Yen of London, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh.

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga trên vỉa hè phía ngoài cổng Công ty trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu vực, có tọa độ (hệ tọa



độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3° : X (m) = 2302196.914;
 Y (m) = 598898.375

(Kèm theo Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước).

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $50 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Chất lượng nước thải:

Nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải phải nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; hệ số $K = 1$). Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)	
			C	$C_{\max} = C \times 1$
1	pH	-	5 – 9	5 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	5.000


7. Thời hạn của Giấy phép: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Yen of London:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn nước tiếp nhận nước thải:

a) Theo dõi lưu lượng xả nước thải hàng ngày theo chỉ số đồng hồ đo nước thải, cập nhật vào Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

b) Quan trắc chất lượng nước thải: 

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải tại điểm xả nước thải có tọa độ:
X (m) = 2302196.914; Y (m) = 598898.375

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số và quy chuẩn áp dụng: Quy định tại Khoản 6 Điều 1 Giấy phép.

c) Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải:

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải trên sông Lạch Tray, thuộc địa bàn phường Anh Dũng, quận Dương Kinh.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Thông số quan trắc theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B2)
1	pH	-	5,5-9
2	DO	mg/l	≥ 4
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	25
4	COD	mg/l	50
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,9
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	15
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	0,5
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,5
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	10.000

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh để theo dõi, giám sát. Cụ thể:

Trước ngày 15/12 hàng năm, lập Báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện các quy định của Giấy phép theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng để theo dõi, giám sát.

4. Thường xuyên nạo vét, duy tu các công trình thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo thu gom 100% nước thải phát sinh để xử lý; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng

thải luôn đạt quy định tại Giấy phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào trong nước thải không đạt yêu cầu quy định của Giấy phép, đồng thời phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Lưu giữ Giấy phép xả nước thải, Báo cáo xả nước thải, Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải; lưu giữ các thông tin, số liệu quan trắc nước thải, nước nguồn tiếp nhận định kỳ đúng quy định.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

7. Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác.

8. Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy phép nếu vi phạm hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Công ty TNHH Yen of London được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép xả nước thải và các cam kết của Công ty TNHH Yen of London đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

2. Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh: Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép xả nước thải và các cam kết của Công ty đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 5. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định. Công ty phải lập hồ sơ điều chỉnh Giấy phép đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Anh Dũng, Giám đốc Công ty TNHH Yen of London và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Giấy phép thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- CVP, PCVP Trần Huy Kiên;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- CV: MT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: 6046/2026/HĐTĐ-VC

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 của UBND thành phố Hải Phòng “ về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng”;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên. Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026, thành phần chúng tôi gồm có:

1. Bên A: CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON

Do Bà : Trần Thị Vân Anh Chức vụ: Giám đốc làm đại diện
Địa chỉ : Đường Phạm Văn Đồng, P.Hung Đạo, TP Hải Phòng
MST : 0200461255 Điện thoại: 02253.581906
Tài khoản : 0031000716859 Tại: Vietcombank CN Hải Phòng

2. Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG & DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG.

Do Ông : Đỗ Phục Long Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện
Theo Giấy uỷ quyền số 322/GUQ-CT ngày 10/5/2022 của Công ty Cổ phần công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng
Địa chỉ : Số 8 Khu I - Vạn Sơn - Phường Đồ Sơn - TP Hải Phòng
MST : 0200534908 Điện thoại: 0225.3561.115
Số Tài khoản : 117000009591 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Đông Hải Phòng.

Hai bên cùng nhau bàn bạc, thoả thuận ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

- Bên B nhận thu gom, vận chuyển toàn bộ rác thải sinh hoạt đã phân loại của Bên A mỗi ngày một lần từ ga tập kết rác của Bên A đến Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung của Thành phố.

- Bên B không nhận vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải xây dựng, rác thải y tế và rác thải công nghiệp.

Điều 2. Giá trị của hợp đồng



Giá dịch vụ vệ sinh: 294.545,45đ/m³ (Chưa bao gồm thuế VAT)

Giá trị thanh toán:

Theo khối lượng thực tế: 1m³/ngày x 26 ngày x 294.545,45đ/m³ = 7.658.182 đồng /tháng
(*Bằng chữ: Bảy triệu, sáu trăm năm mươi tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng*)

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026.

Điều 4. Phương thức thanh toán:

- Thời hạn thanh toán: từ ngày 20 đến ngày 25 hàng tháng;
- Hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hóa đơn do Bên B phát hành, Bên A phải thực hiện việc thanh toán cho Bên B. Nếu quá thời hạn trên mà chưa thanh toán thì Bên B có quyền tạm dừng thực hiện Hợp đồng và yêu cầu Bên A phải thanh toán dứt điểm số công nợ còn tồn đọng trước khi Hợp đồng được thực hiện lại.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên A

5.1 Bên A có các quyền sau:

- Yêu cầu Bên B đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết chất thải sinh hoạt của Bên A để thu gom, vận chuyển theo đúng nội dung của Hợp đồng.
- Cử đại diện tham gia cùng Bên B xác định khối lượng rác thải phát sinh tăng, giảm (nếu có).

5.2 Bên A có các nghĩa vụ sau:

- Bên A tự trang bị dụng cụ chứa rác thải. Thực hiện phân loại chất thải đầu nguồn, chứa đựng rác thải hữu cơ, nhựa, rác thải còn lại vào các thùng chứa riêng biệt. Không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải xây dựng, rác thải y tế và rác thải công nghiệp... vào chung với rác thải sinh hoạt như hợp đồng đã ký kết. Nếu để xảy ra tình trạng rác thải khác lẫn trong rác thải sinh hoạt, hai Bên sẽ lập biên bản sự việc và Bên B có quyền từ chối vận chuyển rác thải không phân loại của Bên A ngày hôm đó mà Bên A không được quyền khiếu kiện gì.
- Chứa rác thải đã được phân loại vào các dụng cụ chứa đựng bằng xe gom rác hoặc thùng chứa rác (*dung tích < 100 lít*) và tập kết tại các ga chứa rác thuận lợi để phương tiện vận chuyển của Bên B dễ dàng vận chuyển rác ra khu xử lý.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (*nếu có*).
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

6.1 Bên B có các quyền sau:

- Yêu cầu Bên A chứa đựng, tập kết chất thải sinh hoạt đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường.
- Yêu cầu Bên A khắc phục các trở ngại để Bên B thực hiện công việc thu gom, xúc, vận chuyển rác được nhanh chóng, thuận lợi.
- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không thanh toán đầy đủ chi phí thu gom, vận chuyển hoặc thành phần chất thải không đúng như hợp đồng đã ký kết.

- Bên B có quyền cử cán bộ kiểm tra giám sát cân đo khối lượng của Bên A và việc kiểm tra, giám sát không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của bên A.
- Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định việc thực hiện các điều khoản hợp đồng này, lập biên bản nếu bên A vi phạm hợp đồng.

6.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ thu gom, xúc, vận chuyển chất thải sinh hoạt cho Bên A theo đúng nội dung của Hợp đồng.
- Đảm bảo việc an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng chống cháy, nổ tại địa điểm thực hiện dịch vụ.
- Nếu phải ngừng cung cấp dịch vụ vì bất cứ lý do, sự cố gì thì phải thông báo cho Bên A trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.
- Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ môi trường đã được thoả thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Điều chỉnh hợp đồng:

Hợp đồng có thể được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Nếu có sự thay đổi về mức giá dịch vụ thu gom vận chuyển do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A trước kỳ thu tiền của tháng kế tiếp nhưng không được chậm hơn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi mức giá dịch vụ thu gom của các cơ quan có thẩm quyền để cùng thực hiện theo mức giá mới.
- Nếu lượng rác của Bên A phát sinh (tăng hoặc giảm) so với lượng rác thải đã ký trong Hợp đồng này thì hai bên sẽ cùng nhau kiểm tra, xác nhận để điều chỉnh Hợp đồng theo lượng rác thực tế phát sinh bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 8. Thoả thuận chung:

Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và các điều khoản đã ghi trên Hợp đồng. Bên nào vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng này thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do sự vi phạm của mình gây ra theo Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Hết thời gian thực hiện hợp đồng mà không còn vướng mắc gì và Bên A đã thanh toán đủ số tiền của Hợp đồng thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý. Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A 

GIÁM ĐỐC
Trần Thị Vân Anh

ĐẠI DIỆN BÊN B 
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Phục Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM & XỬ LÝ PHẾ LIỆU
CÔNG NGHIỆP KHÔNG ĐỘC HẠI
Số :01/HDTG

Hôm nay, ngày 23 tháng 09 năm 2021 tại văn phòng công ty TNHH Yen Of London, chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN : (Bên A) CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON

- Đại diện: Ông Hà Huyền Vũ
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, P. Anh Dũng, Q. Dương Kinh, TP. Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.591905/06
- Mã số thuế: 0200461255
- Tài khoản số: 0031000716859 tại NH Vietcombank - CN Hải Phòng

BÊN GOM : (Bên B) CÔNG TY TNHH KINH DOANH TỔNG HỢP TRƯỜNG PHÁT

- Đại diện : Ông Phạm Văn Chức
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : Thôn Trung Đẳng, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
- Điện thoại: 0975101693
- Mã số thuế: 1001103987
- Tài khoản số: 3407201005597 tại NH NN & PTNT Việt Nam - CN huyện Hưng Hà

Sau khi thảo luận ,hai bên thống nhất ký kết hợp đồng theo các điều khoản cụ thể như sau:

Bên A & bên B cùng nhau mong muốn tiến tới một hợp đồng trong đó bên A giao cho bên B thu gom & xử lý phế liệu công nghiệp không độc hại tại công ty TNHH Yen Of London.



Điều 1: Phạm vi công việc

- Bên A giao cho bên B có trách nhiệm bố trí công nhân, thiết bị, xe vận chuyển, thu gom phế liệu công nghiệp không độc hại theo đúng nội quy hướng dẫn của cán bộ và bảo vệ công ty.
- Trong lúc thu gom bên B đảm bảo trật tự an toàn lao động, vệ sinh môi trường, ra vào công ty theo đúng quy định.
- Trách nhiệm của bên B: thu gom vận chuyển & xử lý rác thải theo đúng giấy phép kinh doanh & quy định của pháp luật.

Điều 2: Thời hạn hợp đồng

- Kể từ ngày bên A & bên B ký hợp đồng, giá trị hợp đồng có thời hạn là mười năm (10 năm) từ ngày 23/09/2021 đến ngày 23/09/2031
- Mọi tranh chấp, hay bất đồng phát sinh giữa các bên trước hết phải giải quyết bằng con đường thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các bên tranh chấp không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp được đưa ra pháp luật giải quyết. Quyết định của tòa là quyết định cuối cùng các bên phải thực hiện. Mọi chi phí liên quan đến vụ tranh chấp sẽ do bên sai phải chịu.

Điều 3: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ký trong hợp đồng này. Quá trình thực hiện có gì vướng mắc thì cùng nhau bàn bạc, giải quyết & được thể hiện bằng văn bản mới có giá trị thi hành. Trường hợp không thể tự giải quyết được, hai bên thống nhất đưa ra tòa án kinh tế nơi bên A đóng trụ sở để giải quyết, chi phí do bên có lỗi chịu.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được thành lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hà Huyền Vũ

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Chử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
=====o0o=====

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 24/2025/HĐXLCT

Về việc “Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại”

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2005.
- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số: 72/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa 14, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số: 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1- 2- 3.073.VX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 02/08/2021.
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của cả hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 04 năm 2025, Tại Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ : Đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, TP Hải Phòng, VN

Điện thoại :

Số TK : 0031000716859 Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN Hải Phòng

Mã số thuế : 0200461255

Đại diện : Bà Đào Thị Hằng Chức vụ : Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

Địa chỉ : Thôn My Sơn – xã Ngũ Lão – huyện Thủy Nguyên TP Hải Phòng

Điện thoại : 02253.875.413 Fax: 02253.875.413

Mã số thuế : 0200575090

Số TK : 2125666888888 Tại: Ngân hàng Agribank - CN Trần Phú Hải Phòng

Đại diện : Bà Phạm Thị Toan Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng thống nhất kí hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh theo sổ chủ nguồn thải của bên A mà bên B có khả năng xử lý.

1.2. Bên B thu gom, vận chuyển các loại chất thải nguy hại (có mã số quản lý chất thải nguy hại phù hợp với Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại của bên B đã được Tổng cục Môi trường cấp) và việc thu gom vận chuyển của bên B phải theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

1.3. Quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Bên B phải đảm bảo các điều kiện thực hiện dịch vụ dưới đây:

1.3.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại khu lưu trữ chất thải của bên A.

1.3.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng có địa điểm tại Khu vực Phía Tây Núi Thần Vi, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

1.3.3. Thời gian giao nhận: Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý, tiêu hủy chất thải theo lịch yêu cầu của bên A, nhưng phải đảm bảo thời gian để bên B bố trí được nhân lực và phương tiện.

1.3.4. Số lượng hàng hóa:

- Căn cứ vào lượng phát sinh chất thải của chủ nguồn thải dựa trên thỏa thuận giữa hai bên trước khi ký kết hợp đồng, khối lượng chất thải phát sinh của từng đợt giao nhận phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

- Khối lượng chất thải thỏa thuận của hợp đồng này là không quá 600kg/năm/2 lần thu thải.

1.3.5. Phương tiện thu gom và vận chuyển:

- Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển (Phương tiện tham gia vận chuyển chất thải cho bên A phải là phương tiện đăng ký ở giấy phép hành nghề quản lý CTNH đã được Tổng cục Môi trường cấp: Mã số QLCTNH 1- 2-3-073.VX).

- Đối với chất thải nặng hoặc khó bốc xếp thì bên A phải bố trí phương tiện và nhân lực kết hợp cùng với bên B để đưa chất thải lên xe.

1.3.6. Nhân sự:

- Cán bộ làm việc với bên A phải là người được ủy quyền hợp pháp của bên B.

Điều 2: Đơn giá và phương thức thanh toán

2.1 Đơn giá

- Bên A trả cho bên B phí trọn gói hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số tiền là : **15.000.000VNĐ/Năm**, cho khối lượng chất thải thỏa thuận tại Điều 1 mục 1.3.4 của Hợp đồng này.

- Bằng chữ: Mười năm triệu Việt Nam Đồng chẵn trên năm.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

2.2. Phương thức thanh toán



- Sau khi ký hợp đồng, bên A tạm ứng 50% (7.500.000 đồng, chưa bao gồm VAT) số tiền phí hợp đồng cho bên B.

- Sau khi nhận được số tiền 7.500.000 đồng trên, bên B sẽ đến thu gom lần 1 cho bên A và gửi đầy đủ hóa đơn, chứng từ cho bên A.

- Sau khi bên B thu gom xong lần 2 và gửi đầy đủ hóa đơn, chứng từ cho bên A, bên A sẽ chuyển nốt 50% (7.500.000 đồng, chưa bao gồm VAT) còn lại.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản.

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên

3.1. Trách nhiệm của bên A

- Thanh toán đầy đủ cho bên B theo thỏa thuận tại điều 2.

- Trước mỗi đợt giao nhận chất thải thì bên A báo trước cho bên B 48h để bên B bố trí nhân lực, phương tiện vận chuyển.

- Cử người hướng dẫn nội quy ra vào cơ sở của mình và xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thanh toán.

- Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải thì phải có thông báo bằng văn bản cho bên B để phối hợp giải quyết.

- Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về những chất thải phát sinh của mình mà không bàn giao cho bên B xử lý.

- Bàn giao chất thải phát sinh đúng chủ hành nghề quản lý chất thải.

3.2. Trách nhiệm của bên B

- Gửi cho bên A bộ giấy phép hành nghề (công chứng) còn giá trị để bên A trình cơ quan chức năng khi bên A có sự kiểm tra.

- Nhanh chóng bố trí phương tiện vận chuyển, nhân lực thu gom khi có yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy PCCC, an toàn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình làm việc tại địa bàn bên A. Đồng thời chịu trách nhiệm nếu xảy ra sự cố cháy nổ, gây tai nạn lao động, ô nhiễm môi trường trước bên A và pháp luật về quá trình vận chuyển, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải thu gom từ bên A.

- Thực hiện nhận bàn giao CTNH từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng đã được cấp phép theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đảm bảo đúng các quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải (kể từ lúc nhận chất thải nguy hại và khi ra khỏi cổng của bên A).

Hoàn thành bộ chứng từ xử lý chất thải cho bên A theo quy định của Pháp luật như sau:

- Liên số 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 hoặc đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTNH;



- Liên số 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 hoặc đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTNH tiếp nhận chất thải);

- Liên số 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH);

Điều 4: Điều khoản chung

Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích của hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của tòa án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 5: Hiệu lực hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng chỉ có giá trị khi bên A đã thanh toán đầy đủ phí duy trì hợp đồng cho bên B và có thời hạn một (01) năm kể từ ngày ký đến ngày 19/04/2026.

- Khi hết hạn hợp đồng thì hai bên gặp nhau để gia hạn hợp đồng hoặc hợp đồng tự thanh lý sau khi mỗi bên đã hoàn thành trách nhiệm đối với bên kia.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Đào Thị Hằng



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Loan

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số:/2025/1-2-3.073.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng**

Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH 1-2-3.073.VX

Địa chỉ văn phòng: Tô dân phố 1, P. Phạm Ngũ Lão, TP. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

ĐT: 02253.875.413

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Phía Tây bắc núi Thần Vi, P. Minh Đức, TP. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

ĐT: 02253.875.413

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :

Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:.....

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:.....

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Yen of london**

Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 31.000537.T

Địa chỉ văn phòng: Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 02253.581905

Địa chỉ cơ sở: Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 02253.581905

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ):

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	18	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	42	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:.....

Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....

Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15H - 00926

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Tô Văn Hiếu;

Ký:..... Ngày: 07/6/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....

Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đào Chi Hằng



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Loan

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 01/YOLD/2026/1-2-3.073.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH 1-2-3.073.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố 1, Phường Bạch Đằng, TP. Hải Phòng

ĐT: 02253.875.413

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Phía Tây bắc núi Thần Vi, Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Bạch Đằng, TP. Hải Phòng

ĐT: 02253.875.413

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :

Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Yen of london

Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 31.000537.T

Địa chỉ văn phòng: Đường Phạm Văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 02253.581905

Địa chỉ cơ sở: Đường Phạm Văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 02253.581905

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ):

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	28	ĐX
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải	x			18 02 01	03	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15H - 09193

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đinh Ngọc Duy;

Ký:

Ngày: 07/01/2026

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2026

Chức danh người ký

(Chữ ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trần Thị Văn Anh

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

Chức danh người ký

(Chữ ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Loan

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Địa chỉ: CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON
Phạm Văn Đồng, Anh Dũng, Dương Kinh

Số:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 07 năm 2025

Họ tên người nhận hàng:

Anh Quang

Địa chỉ:


Hải Dương

Lý do xuất:

Xuất rác thải sản xuất đi xử lý theo HD số 01

Xuất tại kho:

YOL

SỐ TT	TÊN NHÃN HIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
			YÊU CẦU	THỰC XUẤT		
1	Nhựa phế liệu	kg		679		
	Nilong phế liệu	kg		✓ 1014		
3	Bìa phế liệu	kg		✓ 4770		
Cộng				6,463.0		19,736,500

Giám đốc




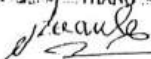
Phó phòng kế toán



Người nhận

Thủ kho



CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON CO., LTD
BẢNG VÉ XÁC NHẬN
BIÊN KIỆM SỐ: 15C-1163/11
SỐ CONTAINER: 291-16686
SỐ CHỈ
HANG XUẤT: 6.11.63 Kg
HANG NHẬP
11 GIỜ ĐÓNG NGÀY: 29 THÁNG 07 NĂM 2025
 CẤM LẤY 138

Đơn vị: CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON
Địa chỉ: Phạm Văn Đồng, Anh Dũng, Dương Kinh

Số:.....

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18 tháng 8 năm 2025

Họ tên người nhận hàng:

Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng hợp Trường
Phát

Địa chỉ:

Thôn Trung Đằng, Xã Hùng Dũng, Huyện
Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

Lý do xuất:

Xuất Vải vụn phế liệu

Xuất tại kho:

Phế liệu YOL

SỐ TT	TÊN VẬT TỰ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Xi Tơ rời	m ³	25	
2				
3				
4				
5				
	Cộng		-	

Tổng Giám đốc

Phòng Kế toán

Người nhận

Thủ kho



YEN OF LONDON CO., LTD
BẢO VỆ XÁC NHẬN
BIÊN BẢN SỐ 15/H 00.818
SỐ QUẢN LÝ
SỐ CHỨNG
HÀNG XUẤT 25 m³ Xi Tơ rời
HÀNG NHẬP
19 GIỜ SÁNG 18 THÁNG 8 NĂM 2025
Số 082

Đơn vị: CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON
Địa chỉ: Phạm Văn Đồng, Anh Dũng, Dương Kinh

Số:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 4 năm 2025

Họ tên người nhận hàng:

Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng hợp Tường Phát

Địa chỉ:

Thôn Trung Đảng, Xã Hùng Dũng, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình

Lý do xuất:

Xuất Vải vụn phế liệu

Xuất tại kho:

Phế liệu YOL

SỐ TT	TÊN VẬT TỰ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Xi Than. Ló hơi.	m ³	25	
2				
3				
4				
5				
Cộng				

Tổng Giám đốc

Phòng Kế toán

Người nhận

Thủ kho

YEN OF LONDON CO., LTD
BẢO VỆ XÁC NHẬN
BIÊN KIỂM SOÁT 15^C 36128
SỐ CONTAINER
SỐ CHỈ
HÀNG XUẤT 25 m³ Xi Than Ló hơi
HÀNG NHẬP
15 GIỜ EV NGÀY 25 THÁNG 04 NĂM 2025
TÊN BẢO VỆ 1611 SỐ HIỆU 726

30/1
24 giá 100k.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 52-25/MT-MTT

V/v: Bảo dưỡng nồi hơi 1.5t/h

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 - Quốc Hội khoá XIII ngày 24/11/2015.
- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào báo giá của công ty TNHH Công nghệ Cơ-Nhiệt-Điện Và Xây lắp ngày 20 tháng 03 năm 2025, căn cứ thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 12/05/2025 tại Công ty TNHH Yen of London, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON

- Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: Fax:
- Mã số thuế: 0200461255
- Đại diện: Bà ĐÀO THỊ HÀNG Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ - NHIỆT - ĐIỆN VÀ XÂY LẮP

- Địa chỉ: 179 Phương Khê - Kiến An - Hải Phòng
- Điện thoại: 0225 3778862 Fax: 0225 3778725
- Mã số thuế: 0200415717
- Tài khoản số: 0031000311382 – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) – PGD Trần Nguyên Hãn
- Đại diện là: Ông NGUYỄN VĂN LUYỀN Chức vụ: Phó Giám đốc công ty

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Hợp đồng bảo dưỡng nồi hơi với các Điều khoản & Điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG HÓA, SỐ LƯỢNG, GIÁ CẢ

1. Bên B cung cấp cho bên A dịch vụ như sau: (chi tiết theo báo giá số BG020/25, ngày 20 tháng 03 năm 2025)

Tháo dỡ, lắp đặt thiết bị phục vụ phá cầu cặn

Tẩy phá cầu cặn bằng hóa chất kết hợp cơ khí:

- Cung cấp hóa chất tẩy phá
- Cung cấp hóa chất trung hòa
- Gioăng cửa tudom, gioăng cửa tay
- Vật tư phụ, máy móc phục vụ thi công
- Tẩy phá bằng hóa chất theo quy trình, tuân hoàn, không ăn mòn kim loại.
- Thử lạnh thân nồi sau bảo dưỡng

Sau khi tẩy phá cầu cặn có thể tồn dư lượng PH thấp bên B sẽ trung hòa để đưa PH về từ 5.5-9 theo QC 40:2011/BTNMT để đưa về khu xử lý tập trung của công ty

2. Giá trị hợp đồng

- **Hình thức hợp đồng:** Hợp đồng khoán gọn (trọn gói) theo đúng nội dung đã được đại diện các bên thống nhất tại Bảng báo giá ký ngày 20/05/2025 (kèm theo hợp đồng này).

Giá trị hợp đồng:

+ Tổng giá trị	20.584.000 VND
Thuế VAT 8%	1.646.720 VND
+ Tổng giá trị sau thuế	22.230.720 VND

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu hai trăm ba mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng chẵn.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Bên A thanh toán 1 lần cho bên B bằng 100% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ khi thiết bị được bảo dưỡng hoàn thiện, nghiệm thu bàn giao.
2. Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản ghi trong hợp đồng sau khi bên B bàn giao hóa đơn GTGT và tất cả các chứng từ hợp lý, hợp lệ có liên quan đến hợp đồng.

ĐIỀU 3: CHẤT LƯỢNG VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

Chất lượng: Tẩy phá đảm bảo yêu cầu kỹ thuật không ảnh hưởng đến chất lượng thiết bị.
Thiết bị được thử lạnh, nghiệm thu trước khi đi vào hoạt động.

ĐIỀU 4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Ngày hoàn thành: 10 ngày từ ngày ký hợp đồng, thời gian dừng lò 02 ngày
Trong quá trình thi công, nếu do điều kiện thời tiết hoặc các sự kiện bất khả kháng khác không do lỗi của Các Bên dẫn đến phải dừng Công trình thi thời gian tạm dừng này được cộng vào tiến độ thi công.

ĐIỀU 5: BẢO HÀNH

Bảo hành: Thời gian bảo hành Sản phẩm là 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu đối với các thiết bị được thay mới.

Bên B không bảo hành trong trường hợp sự cố do nguyên nhân khách quan như: Thiên tai, hỏa hoạn, sấm sét, hoặc do Bên A sử dụng không đúng kỹ thuật đã được hướng dẫn.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

6.1: Trách nhiệm bên A:

Cung cấp điện nước, cử người giám sát, tạo điều kiện hỗ trợ bên A trong quá trình thi công.

Vận chuyển nước xả thải đến khu xử lý

Thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo cam kết trong hợp đồng.

6.2: Trách nhiệm bên B:

Chịu trách nhiệm thi công chế tạo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Các vật tư, thiết bị đưa vào đảm bảo mới, đúng chủng loại.

Chế tạo, thi công theo đúng tiến độ đã đề ra, an toàn, chấp hành nội quy bên A.

ĐIỀU 7: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Các Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ Hợp đồng, Bên nào cũng không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 5% giá trị của Hợp đồng bị vi phạm.

Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành... mức phạt cụ thể do Các Bên thoả thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về Hợp đồng kinh tế.

Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết - Lập biên bản làm việc (nếu có).

Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các Bên, trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các Bên sẽ đệ trình vấn đề lên Tòa án nhân dân TP Hải Phòng theo qui định Pháp luật.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

LINE 12
YVN.ORS.019.19.15
YVN.DW.161.18
YVN.PRI.019.19.2

Báo giá đã được Các Bên ký xác nhận là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này.
Hợp đồng được lập thành 04 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản
Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động thanh lý, hết hiệu lực
khi các bên hoàn thành công việc và nghĩa vụ tài chính.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Đào Thị Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Long



Tên công trình:

Chủ đầu tư:

Địa điểm thi công: Đường Phạm Văn Đồng- Dương Kinh- TP Hải Phòng

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Công nghệ Cơ-Nhiệt-Điện & Xây lắp

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Bảo dưỡng nồi hơi công suất 1.5 T/H

Công ty TNHH Yen Of London

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 50-25/MT-MTT ngày 12 tháng 05 năm 2025 được ký kết giữa Công ty TNHH Yen Of London và Công ty TNHH công nghệ Cơ-Nhiệt-Điện và Xây Lắp về việc Bảo dưỡng nồi hơi 1.5T/h Căn cứ khối lượng công việc đã thực hiện.

Hôm nay ngày tháng 05 năm 2025. Tại hiện trường thi công các bên tham gia nghiệm thu công trình gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON

-Đại diện: 1- Phạm Duy Tiến - Chức vụ: NVLT
2- Mai Xuân Quý - Chức vụ: TP Cơ Điện
3- - Chức vụ:

BÊN B: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CƠ-NHIỆT-ĐIỆN & XÂY LẮP

-Đại diện: 1- Ông Đào Văn Quý - Chức vụ: Kỹ thuật

Hội đồng nghiệm thu đã kiểm tra, xem xét toàn bộ thiết bị tại hiện trường và thống nhất các đánh giá sau:

A- Khối lượng công trình:

Bên B đã tiến hành các công việc cụ thể như sau:

1- Phần tẩy phá cấu cặn trong nồi hơi bằng hóa chất

- Tháo dỡ, lắp đặt thiết bị phục vụ tẩy phá cấu cặn.

- Tẩy phá cấu cặn bằng hóa chất kết hợp cơ khí:

+ Cung cấp hóa chất tẩy phá

+ Cung cấp hóa chất trung hòa

+ Cung cấp gioăng cửa tudom, gioăng cửa tay

+ Cung cấp vật tư phụ, máy móc thiết bị chuyên dùng

+ Tẩy phá cấu cặn bằng hóa chất theo quy trình tuần hoàn, không ăn mòn

kim loại

- Thử lạnh thân nồi sau bảo dưỡng

2- Phần vệ sinh, thay thế thiết bị

- Vệ sinh tro bụi trong buồng đốt, chùm ống.

- Thông các đầu ống cụt trên thân nồi

- Thay mới van xả đáy ống góp kính thủy tối Dn20

B- Đánh giá Kỹ thuật :

- Nồi hơi đã được vệ sinh, tẩy phá cặn đảm bảo sạch, không gây ăn mòn, biến dạng các cấu kiện chịu áp thân nồi
- Công tác vệ sinh, thay thế thiết bị, các cấu kiện đảm bảo chất lượng
- Nồi hơi đã được thử áp, hiệu chỉnh và đốt lò đảm bảo hoạt động bình thường

C-Kết luận :

- Toàn bộ khối lượng của hợp đồng đã được bên B thực hiện đầy đủ, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng. Hội đồng nghiệm thu nhất trí tiếp nhận và đưa thiết bị vào sử dụng.
- Biên bản nghiệm thu này được xem như biên bản bàn giao hạng mục công trình của bên B cho bên A đưa vào sử dụng.
- Biên bản này lập tại hiện trường, hội đồng nghiệm thu đã thông qua và ký. Văn bản này được soạn làm 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản làm cơ sở pháp lý trong việc thanh quyết toán hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

.....
Phạm Duy Thủy

.....
Đào Văn Quý

.....
Mai Xuân Quyết

.....

.....
Phan Anh Tuấn

.....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TÁC VỀ
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ
Nghiệm thu công trình**

Thực hiện Luật phòng cháy và chữa cháy và theo công văn số 12/NTHT-PCCC ghi ngày 12/7/2019 của công ty TNHH Yen of London gửi Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc “Đề nghị nghiệm thu PCCC” công trình “Cải tạo nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2 và lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động”.

Hồi 8 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 7 năm 2019. Tại công ty TNHH Yen of London.

Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng:

- Ông Đoàn Mạnh Hùng; Chức vụ: Phó trưởng phòng; Cấp bậc: Thượng tá;
- Ông Phạm Anh Đức; Chức vụ: Phó đội trưởng; Cấp bậc: Đại úy;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thượng úy;
- Bà Hoàng Thị Nhân; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Trung úy.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với:

- Công trình: Cải tạo nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2 và lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Yen of London.

- Địa điểm xây dựng: Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

2. Đại diện chủ đầu tư: công ty TNHH Yen of London.

- Bà Nguyễn Thị Bích Huyền; Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Ông Nguyễn Thế Mạnh; Chức vụ: Tổ trưởng cơ điện.

3. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục kính cường lực): Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Kim Sơn Việt Nam.

- Ông Đào Minh Quân; Chức vụ: Giám đốc.

4. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục: PCCC, hệ thống điện): Công ty TNHH một thành viên PCCC Kim Sơn:

- Ông Đào Thanh Thịnh; Chức vụ: Giám đốc.
- Ông Nguyễn Đăng Toàn; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Kiểm tra nội dung của hồ sơ nghiệm thu về PCCC do chủ đầu tư cung cấp:

1. Hồ sơ thiết kế Công trình: “Cải tạo nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2 và lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động” đã được Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng thẩm duyệt và cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 40/TĐ-PCCC ngày 06/11/2018 với các nội dung thẩm duyệt gồm:

- + Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ;
- + Giao thông phục vụ chữa cháy;
- + Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Khoảng cách an toàn PCCC;
- + Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- + Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý);
- + Thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
- + Hệ thống báo cháy tự động;
- + Phương tiện chữa cháy xách tay.

2. Công văn số 12/NTHT-PCCC ghi ngày 12/7/2019 của công ty TNHH Yen of London gửi Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc “Đề nghị nghiệm thu PCCC” công trình “Cải tạo nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2 và lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động”.

3. Hồ sơ hoàn công công trình gồm: Bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công, báo cáo thi công của chủ đầu tư, hóa đơn GTGT, hướng dẫn sử dụng phương tiện PCCC.

4. Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

- Số 6210/KĐ-PCCC-P9 ngày 27/9/2017 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp.
- Số 8656/KĐ-PCCC-P7 ngày 09/11/2018 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp.
- Số 3152/KĐ-PCCC-P7 ngày 12/3/2019 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường.

1. Đặc điểm kiến trúc công trình, lối thoát nạn, khoảng cách an toàn PCCC:

Tổng diện tích công ty là 32.040m² bao gồm các hạng mục: Nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2, nhà xưởng số 3 và các hạng mục phụ trợ đã được thẩm duyệt theo GCN thẩm duyệt số 185/TĐ-PCCC ngày 29/4/2008, số 76/TĐ-PCCC ngày 04/5/2015, số 51/TĐ-PCCC ngày 21/3/2016 và nghiệm thu theo công văn số 306/NT-PCCC ngày 26/5/2008, số 15/CSPCCC-HDPC ngày 27/1/2016, số 134/CSPCCC-HDPC ngày 10/10/2016. Nay công ty giữ nguyên hiện trạng kiến trúc các nhà xưởng (03 nhà xưởng có kết cấu tường xây gạch trên bưng tôn, mái tôn, cột thép sơn chống cháy 120 phút) chỉ tiến hành thay đổi công năng nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2, cải tạo hệ thống báo cháy tự động tại các nhà xưởng:

- Nhà xưởng số 1 (4.800 m²) được cải tạo thành:

+ Khu vực kho (4.320 m²) 01 tầng: có 12 lối thoát nạn. Các tủ điện trong kho được bọc thạch cao chống cháy giới hạn chịu lửa 150 phút.

+ Khu vực nhà ăn 02 tầng (240 m²/tầng): tầng 1 có 03 cửa thoát nạn, từ tầng 2 xuống tầng 1 qua 01 cầu thang bộ.

+ Khu vực văn phòng kho 02 tầng (240 m²/tầng): tầng 1 có 01 cửa thoát nạn, từ tầng 2 xuống tầng 1 qua 01 cầu thang bộ.

Các khu vực công năng khác nhau được ngăn cách với nhau bằng tường gạch cao tới mái, trên tường có kính cường lực 10mm, cửa đi trên tường là cửa chống cháy chịu lửa 70 phút.

- Nhà xưởng số 2 (4.800 m²) được cải tạo thành:

+ Khu vực nhà xưởng (01 tầng, 3.840 m²): có 12 lối thoát nạn.

+ 02 khu vực văn phòng xưởng 02 tầng (240m²/tầng): tầng 1 có 02 lối thoát nạn, từ tầng 2 xuống tầng 1 qua 01 cầu thang bộ.

Các khu vực công năng khác nhau được ngăn cách với nhau bằng tường gạch cao tới mái, trên tường có kính cường lực 10mm, cửa đi trên tường là cửa chống cháy 70 phút.

- Các cầu thang là loại cầu thang có chiều nghiêng. Các cửa trên đường thoát nạn mở theo chiều lối thoát từ trong ra ngoài. Kích thước thang, cửa theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

- Khoảng cách giữa Nhà kho (3) và nhà xưởng số 2 (4) là 9m.

- Khoảng cách giữa Nhà xưởng số 2 (4) và nhà xưởng số 3(5) là 11,5m.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy:

- Công trình được xây dựng tại địa chỉ đường Phạm Văn Đồng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Phía trong công trình có sân, đường nội bộ, thuận lợi về giao thông và PCCC.

3. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Tại các đường, lối thoát nạn có thiết kế hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát hiểm, khoảng cách giữa các đèn không quá 30m.

4. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý):

- Hệ thống điện thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.

5. Hệ thống thông gió thoát khói.

- Mặt tường của các nhà có bố trí các cửa sổ mở để thông gió và chiếu sáng tự nhiên.

6. Hệ thống báo cháy tự động.

- Có thiết kế hệ thống báo cháy tự động cho nhà kho (3), nhà xưởng số 2 (4), nhà xưởng số 3 (5). Trung tâm báo cháy 20 kênh, được lắp đặt tại nhà bảo vệ, nơi thường xuyên có người trực 24/24h.

- Tại khu vực xưởng, khu vực kho : Đầu báo khói được lắp đặt dưới xà gồ.

- Tại khu vực văn phòng, nhà ăn: Đầu báo khói, nhiệt được lắp đặt dưới trần.



- Khoảng cách giữa các đầu báo cháy và khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây $2 \times 0,5 \text{mm}^2$, được đi trong ống bảo vệ.

- Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn: Được lắp đặt trên tường, gần cửa ra vào, nơi dễ quan sát, cách sàn thao tác khoảng 1,25m. Khoảng cách giữa các nút ấn báo cháy nhỏ hơn 50m.

- Đã niêm yết hướng dẫn sử dụng và sơ đồ phân vùng hệ thống báo cháy tự động.

7. Phương tiện chữa cháy xách tay:

Các phương tiện đã được trang bị giữ nguyên hiện trạng đã được nghiệm thu về PCCC.

III. Tiến hành thử nghiệm.

1. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

Khi ngắt nguồn điện lưới cấp cho các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn thấy ắc quy trong đèn tự sáng.

2. Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý):

Ngắt và bật cầu dao của từng hệ thống: Quan sát thấy hệ thống được ngắt, bật theo đúng sơ đồ phân nhánh theo nội dung thiết kế.

3. Hệ thống báo cháy tự động:

Thử nghiệm hoạt động thiết bị ở 2 chế độ:

3.1. Chế độ thường trực:

- Kiểm tra tín hiệu báo sự cố (đứt dây, chập mạch, báo nguồn) của tủ trung tâm.

- Chế độ thường trực của các đầu báo cháy, nút ấn, chuông.

3.2. Chế độ báo cháy:

- Đầu báo cháy khói: Tạo đám cháy giả bằng khói tại vị trí lắp đặt đầu báo cháy.

- Thử các đầu báo cháy nhiệt bằng phương pháp thổi hơi nóng tại vị trí lắp đặt đầu báo cháy nhiệt thấy chuông báo cháy kêu, đèn báo cháy sáng, tại trung tâm báo cháy hiển thị đúng vị trí xảy ra cháy.

- Kích hoạt các vị trí nút ấn báo cháy trực tiếp tại các khu vực của công trình.

Nhận xét sau thử nghiệm:

- Các đầu báo cháy: Thời gian nhận và truyền tín hiệu báo cháy từ các vị trí thử nghiệm về tủ trung tâm khoảng 10 giây, nhanh, đạt yêu cầu.

- Các nút ấn, chuông báo cháy: Tín hiệu báo động nhanh, rõ và đạt yêu cầu.

4. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Thử phun 01 bình chữa cháy bất kỳ vào đám cháy có diện tích 1m^2 (kích thước $1 \text{m} \times 1 \text{m}$) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn sau thời gian khoảng 05 giây.

IV. Kết luận:

1. Bậc chịu lửa: Các nhà bậc II chịu lửa (đã được nghiệm thu về PCCC);

2. Hạ nguy hiểm cháy và cháy nổ: Nhà xưởng, kho: hạng C;
3. Giao thông phục vụ chữa cháy (đã nghiệm thu về PCCC);
4. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: Đạt yêu cầu;
5. Khoảng cách an toàn PCCC(đã nghiệm thu về PCCC);
6. Lối thoát nạn: Đạt yêu cầu;
7. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Đạt yêu cầu;
8. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý): Đạt yêu cầu;
9. Thông gió thoát khói: thông gió tự nhiên;
10. Hệ thống báo cháy tự động: Đạt yêu cầu;
11. Phương tiện chữa cháy xách tay (đã có): Đạt yêu cầu;

V. Kiến nghị:

1. Đơn vị thi công phải hướng dẫn và bàn giao quy trình vận hành, sử dụng cho Chủ đầu tư sử dụng các phương tiện PCCC đã trang bị.

2. Chủ đầu tư phải thực hiện đúng quy định về bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng hệ thống PCCC theo quy định.

3. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày gồm 05 trang, lập thành 04 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và ký tên dưới đây./.

Đại diện
Chủ đầu tư



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Bích Huyền

Đại diện
Đoàn kiểm tra



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH
Thượng tá Đoàn Mạnh Hùng

Đại diện
Đơn vị thi công



GIÁM ĐỐC
Đào Minh Quân

Đại diện
Đơn vị thi công



GIÁM ĐỐC
ĐÀO THANH THỊNH

Số: 40 /TD-PCCC

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV ghi ngày 26/10/2018 của Công ty TNHH Yen of London.

Người đại diện là bà: Nguyễn Thị Bích Huyền.

Chức danh: Tổng giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH – CÔNG AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN**

Công trình: Cải tạo nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2 và lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động.

Địa điểm xây dựng: Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Yen of London.

Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH một thành viên PCCC Kim Sơn.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa; Hạn nguy hiểm cháy và cháy nổ;
2. Giao thông phục vụ chữa cháy;
3. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Khoảng cách an toàn PCCC;
4. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
5. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý);
6. Thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
7. Hệ thống báo cháy tự động;
8. Phương tiện chữa cháy xách tay;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

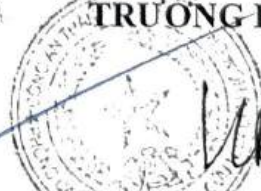
1. Chủ đầu tư phải đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;
2. Công trình phải được Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an thành phố Hải Phòng kiểm tra nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC07..

Hải Phòng, ngày 06 tháng 11 năm 2018.

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Hoàng Văn Bình

**CÔNG CHỨNG VIÊN
HOÀNG TRUNG NGHĨA**

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Giao thông phục vụ chữa cháy.	TMB-02	
2	Bậc chịu lửa.	Thuyết minh	
3	Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ	Thuyết minh	
4	Khoảng cách an toàn PCCC.	MB	
5	Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan	NC01 đến NC03	
6	Lối thoát nạn.	MB, NC05 đến NC08	
7	Đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn.	EX01, EX01A	
8	Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý)	MBĐ	
9	Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên)	MB	
10	Hệ thống báo cháy tự động.	BC01 đến BC10	
11	Phương tiện chữa cháy xách tay.	CC08, CC09	

Số: 168 /NT-PC07

Hải Phòng, ngày 19 tháng 7 năm 2019

BẢN SAO

Kính gửi: Công ty TNHH Yen of London.

Theo đề nghị tại văn bản số 12/NTHT-PCCC ghi ngày 12/7/2019 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của của công ty TNHH Yen of London; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH lập ngày 12/7/2019, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của công ty TNHH Yen of London.

Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH đồng ý việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình “Cải tạo nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2 và lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động” của công ty TNHH Yen of London, xây dựng tại Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng theo các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa; Hạn nguy hiểm cháy và cháy nổ;
2. Giao thông phục vụ chữa cháy;
3. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Khoảng cách an toàn PCCC;
4. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
5. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý);
6. Thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
7. Hệ thống báo cháy tự động;
8. Phương tiện chữa cháy xách tay.

Ngày: 14-06-2023

Số chứng thực: 533. Quyền số: 1.....-SCT/BS
NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

Để bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình “Cải tạo nhà xưởng số 1, nhà xưởng số 2 và lắp đặt bổ sung hệ thống báo cháy tự động” trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị công ty TNHH Yen of London thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07.

TRƯỞNG PHÒNG



ĐẠI LƯU Hoàng Văn Bình
HOÀNG TRUNG NGHĨA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 04 tháng 08 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TAA

Số HD: 2651378

Tên khách hàng: Cty TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Mã số thuế: 0200461255

Mã số QHVN:

Số ĐDCN:

Điện thoại: 0702017999

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6631585

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 08/2025	Từ ngày: 04/07/2025	Chi số cũ: 2613	Tuyến: 14521
Mã hóa đơn: 73861854	Đến ngày: 04/08/2025	Chi số mới: 4631	Số m ³ tiêu thụ: 2018

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	2.018	18.300	36.929.400	5%	1.846.470	38.775.870
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	1.614,4	3.660	5.908.704	8%	472.696	6.381.400
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							42.838.104
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							1.846.470
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							472.696
Tổng tiền thuế GTGT:							2.319.166
Tổng cộng:							45.157.270

Tổng số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu một trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 04/08/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm Invoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 04 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TAA

Số HĐ: 3024757

Tên khách hàng: Cty TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200461255

Mã số QHVN5:

Số ĐCCN:

Điện thoại: 0702017999

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6631585

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 09/2025	Từ ngày: 04/08/2025	Chỉ số cũ: 4631	Tuyến: 14521
Mã hóa đơn: 74235827	Đến ngày: 04/09/2025	Chỉ số mới: 6508	Số m ³ tiêu thụ: 1877

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	1.877	18.300	34.349.100	5%	1.717.455	36.066.555
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	1.501,6	3.660	5.495.856	8%	439.668	5.935.524
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							39.844.956
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							1.717.455
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							439.668
Tổng tiền thuế GTGT:							2.157.123
Tổng cộng:							42.002.079

Tổng số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi hai triệu không trăm linh hai nghìn không trăm bảy mươi chín đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 04/09/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd. - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: 1K25TAA

Ngày 04 tháng 10 năm 2025

Số HD: 3409407

Tên khách hàng: Cty TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Mã số thuế: 0200461255

Mã số QHVNS:

Số ĐDCN:

Điện thoại: 0702017999

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6631585

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 10/2025	Từ ngày: 04/09/2025	Chỉ số cũ: 6508	Tuyến: 14521
Mã hóa đơn: 74621630	Đến ngày: 04/10/2025	Chỉ số mới: 8617	Số m ³ tiêu thụ: 2109

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	2.109	18.300	38.594.700	5%	1.929.735	40.524.435
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	1.687,2	3.660	6.175.152	8%	494.012	6.669.164
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							44.769.852
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							1.929.735
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							494.012
Tổng tiền thuế GTGT:							2.423.747
Tổng cộng:							47.193.599

Tổng số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu một trăm chín mươi ba nghìn năm trăm chín mươi chín đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 04/10/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: 1K25TAA

Ngày 04 tháng 11 năm 2025

Số HĐ: 3779304

Tên khách hàng: Cty TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200461255

Mã số QHVNS:

Số ĐDCN:

Điện thoại: 0702017999

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6631585

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 11/2025	Từ ngày: 04/10/2025	Chỉ số cũ: 8617	Tuyến: 14521
Mã hóa đơn: 74992565	Đến ngày: 04/11/2025	Chỉ số mới: 10419	Số m ³ tiêu thụ: 1802

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	1.802	18.300	32.976.600	5%	1.648.830	34.625.430
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	1.441,6	3.660	5.276.256	8%	422.100	5.698.356
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							38.252.856
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							1.648.830
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							422.100
Tổng tiền thuế GTGT:							2.070.930
Tổng cộng:							40.323.786

Tổng số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 04/11/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm E-invoice.ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: 1K25TAA

Ngày 04 tháng 12 năm 2025

Số HD: 4232958

Tên khách hàng: Cty TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Mã số thuế: 0200461255

Mã số QHVN:

Số ĐDCN:

Điện thoại: 0702017999

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6631585

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 12/2025	Từ ngày: 04/11/2025	Chỉ số cũ: 10419	Tuyến: 14521
Mã hóa đơn: 75447481	Đến ngày: 04/12/2025	Chỉ số mới: 12063	Số m ³ tiêu thụ: 1644

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	1.644	18.300	30.085.200	5%	1.504.260	31.589.460
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	1.315,2	3.660	4.813.632	8%	385.091	5.198.723
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							34.898.832
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							1.504.260
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							385.091
Tổng tiền thuế GTGT:							1.889.351
Tổng cộng:							36.788.183

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn một trăm tám mươi ba đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 04/12/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : **0200171274**

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) **Tel 0225 3 51 58 58** - Fax: 0225 3 823 748**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC**

Ngày 04 tháng 01 năm 2026

Ký hiệu: 1K26TAA

Số HĐ: **72265**

Tên khách hàng: Cty TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Mã số thuế: 0200461255

Mã số QHVN:

Số ĐDCN:

Điện thoại: 0702017999

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6631585

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 01/2026	Từ ngày: 04/12/2025	Chỉ số cũ: 12063	Tuyến: 14521
Mã hóa đơn: 75756318	Đến ngày: 04/01/2026	Chỉ số mới: 13627	Số m ³ tiêu thụ: 1564

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	1.564	18.300	28.621.200 28.621.200	5%	1.431.060 1.431.060	30.052.260 30.052.260
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	1.251,2	3.660	4.579.392 4.579.392	8%	366.351 366.351	4.945.743 4.945.743
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							33.200.592
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							1.431.060
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							366.351
Tổng tiền thuế GTGT:							1.797.411
Tổng cộng:							34.998.003

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi tám nghìn không trăm linh ba đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 04/01/2026 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : **0200171274**

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) **Tel 0225 3 51 58 58** - Fax: 0225 3 823 748**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC**

Ngày 04 tháng 02 năm 2026

Ký hiệu: 1K26TAA

Số HĐ: **446601**

Tên khách hàng: Cty TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Mã số thuế: 0200461255

Mã số QHVN:

Số ĐCCN:

Điện thoại: 0702017999

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6631585

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 02/2026	Từ ngày: 04/01/2026	Chỉ số cũ: 13627	Tuyến: 14521
Mã hóa đơn: 76131522	Đến ngày: 04/02/2026	Chỉ số mới: 15251	Số m ³ tiêu thụ: 1624

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	1.624	18.300	29.719.200 29.719.200	5%	1.485.960 1.485.960	31.205.160 31.205.160
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	1.299,2	3.660	4.755.072 4.755.072	8%	380.406 380.406	5.135.478 5.135.478
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							34.474.272
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							1.485.960
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							380.406
Tổng tiền thuế GTGT:							1.866.366
Tổng cộng:							36.340.638

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 04/02/2026 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : **0200171274**

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) **Tel 0225 3 51 58 58** - Fax: 0225 3 823 748**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC**

Ngày 04 tháng 03 năm 2026

Ký hiệu: 1K26TAA

Số HD: **824589**

Tên khách hàng: Cty TNHH YEN OF LONDON

Địa chỉ: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Địa chỉ điểm dùng nước: Đường Phạm văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng .

Mã số thuế: 0200461255

Mã số QHVN:

Số ĐCCN:

Điện thoại: 0702017999

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6631585

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 03/2026	Từ ngày: 04/02/2026	Chỉ số cũ: 15251	Tuyến: 14521
Mã hóa đơn: 76509997	Đến ngày: 04/03/2026	Chỉ số mới: 16244	Số m ³ tiêu thụ: 993

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	993	18.300	18.171.900 18.171.900	5%	908.595 908.595	19.080.495 19.080.495
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	794,4	3.660	2.907.504 2.907.504	8%	232.600 232.600	3.140.104 3.140.104
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							21.079.404
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							908.595
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							232.600
Tổng tiền thuế GTGT:							1.141.195
Tổng cộng:							22.220.599

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi nghìn năm trăm chín mươi chín đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 04/03/2026 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-069

Địa chỉ (Address): Số 9 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC - Số TK: 0921000518008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPU

Số (No): 273

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LON DON

Mã số thuế (Tax code): 0200461255

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH07909081996

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2026 từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/01/2026 (kèm theo bảng kê số 1713729879 ngày 16 tháng 01 năm 2026)	kWh	33.263	-	74.807.861
Cộng tiền hàng (Total amount):					74.807.861
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		5.984.629
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		80.792.490
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 16/01/2026 16:36:20



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-069

Địa chỉ (Address): Số 9 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC - Số TK: 0921000518008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPU

Số (No): 12522

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LON DON

Mã số thuế (Tax code): 0200461255

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH07909081996

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2026 từ ngày 01/02/2026 đến ngày 15/02/2026 (kèm theo bảng kê số 1726752684 ngày 16 tháng 02 năm 2026)	kWh	32.603	-	73.328.718
Cộng tiền hàng (Total amount):					73.328.718
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.866.297
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 79.195.015

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn không trăm mười lăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 16/02/2026 18:22:23



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-069

Địa chỉ (Address): Số 9 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC - Số TK: 0921000518008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPU

Số (No): 24788

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LON DON

Mã số thuế (Tax code): 0200461255

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH07909081996

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2026 từ ngày 01/03/2026 đến ngày 15/03/2026 (kèm theo bảng kê số 1739755893 ngày 17 tháng 03 năm 2026)	kWh	31.917	-	71.117.646
Cộng tiền hàng (Total amount):					71.117.646
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.689.412
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 76.807.058
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi sáu triệu tám trăm linh bảy nghìn không trăm năm mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 17/03/2026 16:05:43



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-069

Địa chỉ (Address): Số 9 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC - Số TK: 0921000518008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPU

Số (No): 12411

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LON DON

Mã số thuế (Tax code): 0200461255

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH07909081996

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2026 từ ngày 16/01/2026 đến ngày 31/01/2026	kWh	39.587	-	89.952.990
	(kèm theo bảng kê số 1723506798 ngày 02 tháng 02 năm 2026)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					89.952.990
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		7.196.239
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		97.149.229

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bảy triệu một trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm hai mươi chín đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/02/2026 14:38:58



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-069

Địa chỉ (Address): Số 9 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC - Số TK: 0921000518008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPU

Số (No): 24681

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LON DON

Mã số thuế (Tax code): 0200461255

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH07909081996

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2026 từ ngày 16/02/2026 đến ngày 28/02/2026	kWh	16.988	-	37.542.585
	(kèm theo bảng kê số 1737890239 ngày 03 tháng 03 năm 2026)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					37.542.585
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		3.003.407
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		40.545.992
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 03/03/2026 08:14:08



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-069

Địa chỉ (Address): Số 9 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC - Số TK: 0921000518008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPU

Số (No): 36956

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LON DON

Mã số thuế (Tax code): 0200461255

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PH07909081996

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2026 từ ngày 16/03/2026 đến ngày 31/03/2026 (kèm theo bảng kê số 1746449370 ngày 02 tháng 04 năm 2026)	kWh	40.788	-	90.930.556
Cộng tiền hàng (Total amount):					90.930.556
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		7.274.444
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		98.205.000
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi tám triệu hai trăm linh năm nghìn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/04/2026 17:08:24



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

D/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

D/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 1212-27/0/32024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LONDON, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : + NT: Nước thải sau hệ thống xử lý, tọa độ KD: 106,701951, VD: 20,809895
Mã hóa mẫu : 13032024-046
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 13/03/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 27/03/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,38	5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	29,2	100
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SOP.QT.TDS	411	1000
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	31,2	50
5.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	0,2	50
6.	Photphat (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,51	10
7.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,12	4,0
8.	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995	9,2	10
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2023	2,8	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2009	1,23	10
11.	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2400	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa



- (-) Không quy định
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

D/c: Số 45 gác 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

D/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Himode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: [số phiếu chèn]/2024/PKQ/24.504



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - NT.280524-003- Nước thải sau hệ thống xử lý, tọa độ VD=20,809968, KD=106,702054
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 28/05/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 13/06/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,28	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	374	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,6	20
4	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO3-.E:2023	1,93	50
5	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,71	10
6	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	35,8	50
7	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	15,2	100
8	Sunfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,26	4
9	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	9,8	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,66	10
11	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	2.700	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao hai kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2024



1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vmcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không gửi quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM - VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07063/2024/PKQ/24.2973

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - NT.170924-027- Nước thải sau hệ thống xử lý, tọa độ VD=20,809968, KĐ=106,702054 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 17/09/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 03/10/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,34	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	388	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,8	20
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	41,2	50
5	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	50,4	100
6	Sunfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,3	4
7	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	9,8	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	1,23	50
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,58	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,41	10
11	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	4.800	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 gác 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,

TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kế 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện

Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 10155/2024/PKQ/24.4770

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - NT.251124-011- Nước thải sau hệ thống xử lý, tọa độ VD=20,809968, KĐ=106,702054 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 25/11/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 09/12/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,12	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	351	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,9	20
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	48,2	50
5	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	24,7	100
6	Sunfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,46	4
7	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	9,8	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,89	50
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,02	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	9,11	10
11	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	4.900	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



Th.S. Nguyễn Văn Hòa

- () Không quy định
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận bởi Vilas
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vincerts
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 03168/2025/PKQ/25.1315

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
 Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Vị trí lấy mẫu : - NT.190325-003- Nước thải sau hệ thống xử lý, tọa độ VD=20,809968, KD=106,702054 (NT)
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Ngày lấy mẫu : 19/03/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 08/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,22	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	367	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,9	20
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	25,4	50
5	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	42,1	100
6	Sulfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,12	4
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	3,45	50
8	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,61	10
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,44	10
10	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	2,7×10 ³	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



Ths Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
 4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
 6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
 8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,

TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện

Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 06337/2025/PKQ/25.3105

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - NT.240525-015- Nước thải sau hệ thống xử lý, tọa độ VĐ=20,809968, KĐ=106,702054 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 24/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 10/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,32	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	443	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,3	20
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	32,2	50
5	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	25,6	100
6	Sunfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,15	4
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	6,24	50
8	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,23	10
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,07	10
10	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3,4×10 ³	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

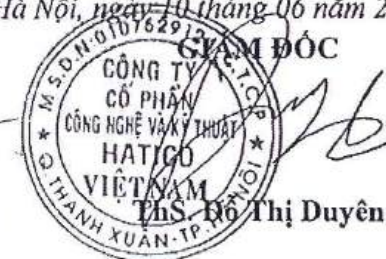
Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận VIMCERTS
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận VIMCERTS
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội

Đ/c PTN: Liễn kê 16.31, KĐT Hinode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 11326/2025/PKQ/25.5995

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
 Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, TP Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Vị trí lấy mẫu : - NT.220825-013- Nước thải sau hệ thống xử lý, tọa độ VD=20,809968, KĐ=106,702054 (NT)
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Ngày lấy mẫu : 22/08/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 11/09/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT	Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,24	5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	425	1.000
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,1)	20
4	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2,5×10 ³	5.000
5	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,29	10
6	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	13,1	50
7	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	32,2	100
8	Sulfua (H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,18	4
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	5,21	50
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,72	10

Ghi chú: + KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

Hà Nội, ngày 11 tháng 09 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



1. (-) Không quy định
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
 4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
 6. Không tự ý sao lại kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
 8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội

Đ/c PTN: Liên kê 16.31, KĐT Himode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 16558/2025/PKQ/25.9228

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LONDON -Đường Phạm Văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - NT.021225-008- Nước thải sau hệ thống xử lý, tọa độ VD=20,809968, KĐ=106,702054 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 15/12/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT	QCVN 14:2025/ BTNMT
				NT	Cột B	Bảng 2, Cột B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,32	5 - 9	5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	491	1.000	-
3	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	7,4	20	≤15
4	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2,42	50	-
5	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	4,86	10	≤5,0
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	6,06	10	-

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

+ QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

Bảng 2, Cột B: Bảng 2: Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án đầu tư, cơ sở - Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả nước thải ra nguồn nước tiếp nhận có mục đích quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước như Mức B Bảng 2, Bảng 3 QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimecerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.


chất lượng nước mặt hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

TP. PHÒNG THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC



Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2024



1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vinceris
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM

D/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

D/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Himode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 03-13/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LONDON, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : + K1: Khu vực xưởng may, tọa độ KD: 106,700616, VD: 20,809587
+ K2: Khu vực xưởng cắt, tọa độ KD: 106,700565, VD: 20,809418
+ K3: Khu vực nổi hơi, tọa độ KD: 106,700049, VD: 20,808791
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 13/03/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 22/03/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			QCVN 03:2019/BYT
				K1	K2	K3	
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	TCVN 5508:2009	24,3	24,6	25,1	18-32 ⁽¹⁾
2.	Độ ẩm	%		67,9	68,2	67,3	40-80 ⁽¹⁾
3.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	76,7	75,9	68,2	85 ⁽²⁾
4.	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,104	0,1	0,098	10
5.	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,094	0,093	0,099	10
6.	CO	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,56	3,76	3,93	40
7.	Bụi tổng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,131	0,136	0,128	8 ⁽³⁾

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn)

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

+ ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

CÁN BỘ THỬ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN

Nguyễn Thị Duyên

ThS. Nguyễn Văn Việt



1. (-) Không quy định

2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giữ quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

7. Các chỉ tiêu trên được công nhận theo quyết định số 503/BC-SYT của Sở Y tế Hà Nội ngày 26/01/2024



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 02875/2024/PKQ/24.504



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KLV.280524-003- Khu vực xưởng may, tọa độ VĐ=20,809500, KĐ=106,700877 (KK1)
- KLV.280524-004- Khu vực xưởng cắt, tọa độ VĐ=20,809900, KĐ=106,700923 (KK2)
- KLV.280524-005- Khu vực nồi hơi, tọa độ VĐ=20,808963, KĐ=106,700287 (KK3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí môi trường lao động Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 28/05/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 13/06/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019 /BYT
				KK1	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	TCVN 5508:2009	30,5	30,3	31,2	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(a)	%	TCVN 5508:2009	61,8	61,4	59,8	40-80 ⁽¹⁾
3	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,09	0,088	0,093	10
4	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,106	0,105	0,108	10
5	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	69,1	66,5	59,8	85 ⁽²⁾
6	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,13	0,123	0,127	8 ⁽³⁾
7	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,62	3,88	4,21	40

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn)

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

+ ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2024



1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vincerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kế 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07065/2024/PKQ/24.2973

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KLV.170924-024- Khu vực xưởng may, tọa độ VD=20,809696, KĐ=106,700881 (KK1)
- KLV.170924-025- Khu vực xưởng cắt, , tọa độ VD=20,809836, KĐ=106,700726 (KK2)
- KLV.170924-026- Khu vực nồi hơi, , tọa độ VD=20,808915, KĐ=106,700413 (KK3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí môi trường lao động Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 17/09/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 03/10/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019 /BYT
				KK1	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	30,2	31,3	32	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	69,1	72,8	73,7	40-80 ⁽¹⁾
3	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,103	0,107	0,105	10
4	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,111	0,113	0,108	10
5	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	71,6	73,3	68,1	85 ⁽²⁾
6	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,135	0,142	0,122	8 ⁽³⁾
7	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	4,29	4,05	4	40

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn)

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

+ ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

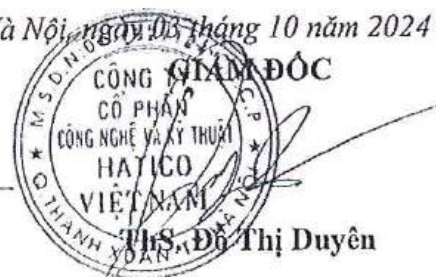
TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2024



ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,

TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện

Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 10157/2024/PKQ/24.4770

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KLV.251124-149- Khu vực xưởng may, tọa độ VD=20,809696, KD=106,700881 (KK1)
- KLV.251124-150- Khu vực xưởng cắt, tọa độ VD=20,809836, KD=106,700726 (KK2)
- KLV.251124-151- Khu vực nổi hơi, tọa độ VD=20,808915, KD=106,700413 (KK3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí môi trường lao động Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 25/11/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 09/12/2024

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019 /BYT
				KK1	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	24,7	24,8	24,8	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	66,8	71,2	76,2	40-80 ⁽¹⁾
3	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,095	0,096	0,098	10
4	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,101	0,105	0,106	10
5	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	69,3	68,3	76,2	85 ⁽²⁾
6	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,132	0,145	0,128	8 ⁽³⁾
7	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,74	3,94	4	40

Chi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn)

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

+ ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



1. (.) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

8. Thời gian hai mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liên kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 03170/2025/PKQ/25.1315

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KLV.190325-001- Khu vực xưởng may, tọa độ VD=20,809696, KĐ=106,700881 (KK1)
- KLV.190325-002- Khu vực xưởng cắt, tọa độ VD=20,809836, KĐ=106,700726 (KK2)
- KLV.190325-003- Khu vực nồi hơi, tọa độ VD=20,808915, KĐ=106,700413 (KK3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 19/03/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 08/04/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019 /BYT
				KK1	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	23,5	24,4	26,7	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	65,1	62,1	75,2	40-80 ⁽¹⁾
3	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,088	0,093	0,094	10
4	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,118	0,12	0,113	10
5	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	5,572	5,024	4,764	40
6	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,127	0,145	0,13	8 ⁽³⁾
7	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	72,3	74,2	67,4	85 ⁽²⁾

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn)

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

+ ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2025



Đỗ Thị Duyên

1. () Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

7. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,

TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện

Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 06339/2025/PKQ/25.3105

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : - KLV.240525-031- Khu vực xưởng may, tọa độ VD=20,809807, KD=106,700728 (KK1)
- KLV.240525-032- Khu vực xưởng cắt, tọa độ VD=20,809899, KD=106,700266 (KK2)
- KLV.240525-033- Khu vực nồi hơi, tọa độ VD=20,808915, KD=106,700413 (KK3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 24/05/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 10/06/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019 /BYT
				KK1	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	27,4	27,5	30,4	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	63,7	64,6	62,8	40-80 ⁽¹⁾
3	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,084	0,084	0,84	10
4	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,128	0,126	0,124	10
5	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	6,914	6,025	6,347	40
6	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,122	0,166	0,141	8 ⁽³⁾
7	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,7	73,7	68,5	85 ⁽²⁾

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL))
+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)
+ ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

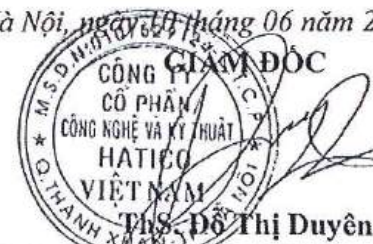
TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2025



ThS. Đỗ Thị Duyên

- (-) Không quy định
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội

Đ/c PTN: Liên kề 16.31, KĐT Hinode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 11328/2025/PKQ/25.5995

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Yêu cầu khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
 Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, TP Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TNHH YEN OF LONDON - Đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Vị trí lấy mẫu : - KLV.220825-023- Khu vực xưởng may, tọa độ VD=20,809807, KD=106,700728 (K1)
 - KLV.220825-024- Khu vực xưởng cắt, tọa độ VD=20,809899, KD=106,700266 (K2)
 - KLV.220825-025- Khu vực nồi hơi, tọa độ VD=20,808915, KD=106,700413 (K3)
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 03
 Ngày lấy mẫu : 22/08/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 11/09/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019 /BYT
				K1	K2	K3	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	28,3	28,2	30,4	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	72,4	71,7	74,2	40-80 ⁽¹⁾
3	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,088	0,084	0,083	10
4	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,113	0,108	0,109	10
5	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,168	0,172	0,142	8 ⁽³⁾
6	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	72,3	71,2	77,3	85 ⁽²⁾
7	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,89	4,339	4,096	40

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL))

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

+ ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 11 tháng 09 năm 2025



CHỖ GIÁM ĐỐC

CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT
HATICO
VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
 7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
 4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
 6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
 8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

D/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội

D/c PTN: Liên kê 16.31, KĐT Himode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 16560/2025/PKQ/25.9228

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI VINAGREEN
 Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, TP Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YEN OF LONDON -Đường Phạm Văn Đồng, Phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Vị trí lấy mẫu : - KLV.021225-047- Khu vực xưởng may, tọa độ VD=20,809807, KĐ=106,700728 (K1)
 - KLV.021225-048- Khu vực xưởng cắt, tọa độ VD=20,809899, KĐ=106,700266 (K2)
 - KLV.021225-049- Khu vực nồi hơi, tọa độ VD=20,808915, KĐ=106,700413 (K3)
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 03
 Ngày lấy mẫu : 02/12/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 15/12/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019 /BYT
				K1	K2	K3	
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	24,3	24,8	25,1	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm ^(c)	%	TCVN 5508:2009	60,2	60,5	59,9	40-80 ⁽¹⁾
3	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	QTQT/MTLĐ/HKĐ/12	KPH	KPH	KPH	10
4	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	QTQT/MTLĐ/HKĐ/12	KPH	KPH	KPH	10
5	Tiếng ồn ^(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,6	63,1	62,2	85 ⁽²⁾
6	CO ^(c)	mg/m ³	QTQT/MTLĐ/HKĐ/12	KPH	KPH	KPH	40
7	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	QTQT/MTLĐ/BPM/11	0,128	0,125	0,116	8 ⁽³⁾

Ghi chú: + KPH: Không phát hiện

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL))

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

+ ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)

+ ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TP. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh



1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận VIM

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CHỖ BẾ TỬ
 CÔNG TY TNHH VIỆT LƯU ĐỒ
 CHỖ BẾ TỬ
 CÔNG TY TNHH VIỆT LƯU ĐỒ
 CHỖ BẾ TỬ
 CÔNG TY TNHH VIỆT LƯU ĐỒ

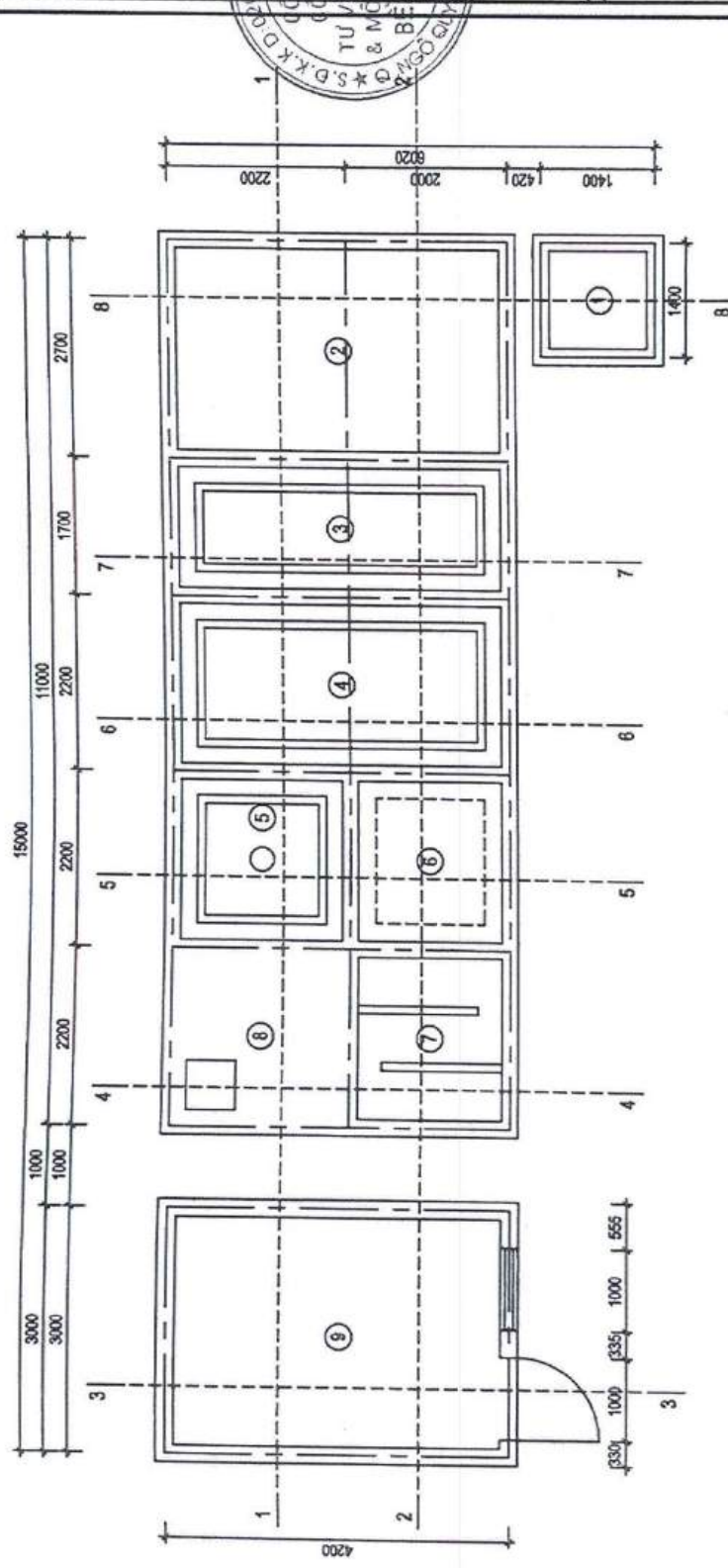


PCEM
 TÀI TƯ VẤN VÀ QUẢN LÝ THI CÔNG
 CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
 SỐ 10 LƯU ĐỒ - HỒ SƠ
 TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY
 SỐ QUẢN LÝ: 10/2017



PHỤ LỤC SỐ 1
 MẶT BẰNG

SỐ QUẢN LÝ
 SỐ TÀI SẢN
 SỐ TÀI SẢN
 SỐ TÀI SẢN



MẶT BẰNG

- GHI CHÚ:
 1- BẾ THỦ GỒM
 2- BẾ ĐIỀU HÒA
 3- BẾ THỂU KHÍ
 4- BẾ THỂU KHÍ
 5- BẾ LỬNG
 6- BẾ LỌC
 7- BẾ KHỚY TRƯỜNG
 8- BẾ Ô BÓN
 9- NHÀ ĐIỀU HÒA

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH MTV QUANG AN

CHỖ TRADING
THÀNH LẬP TẠI QUỐC TẾ
CÔNG TY TNHH MTV QUANG AN

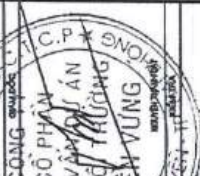
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CÔNG TY TNHH MTV QUANG AN
TRADING
THÀNH LẬP TẠI QUỐC TẾ
CÔNG TY TNHH MTV QUANG AN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ



PCCEM

TRADING
THÀNH LẬP TẠI QUỐC TẾ
CÔNG TY TNHH MTV QUANG AN
TRADING
THÀNH LẬP TẠI QUỐC TẾ
CÔNG TY TNHH MTV QUANG AN



NGƯỜI CHỌN LỰA
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN AN

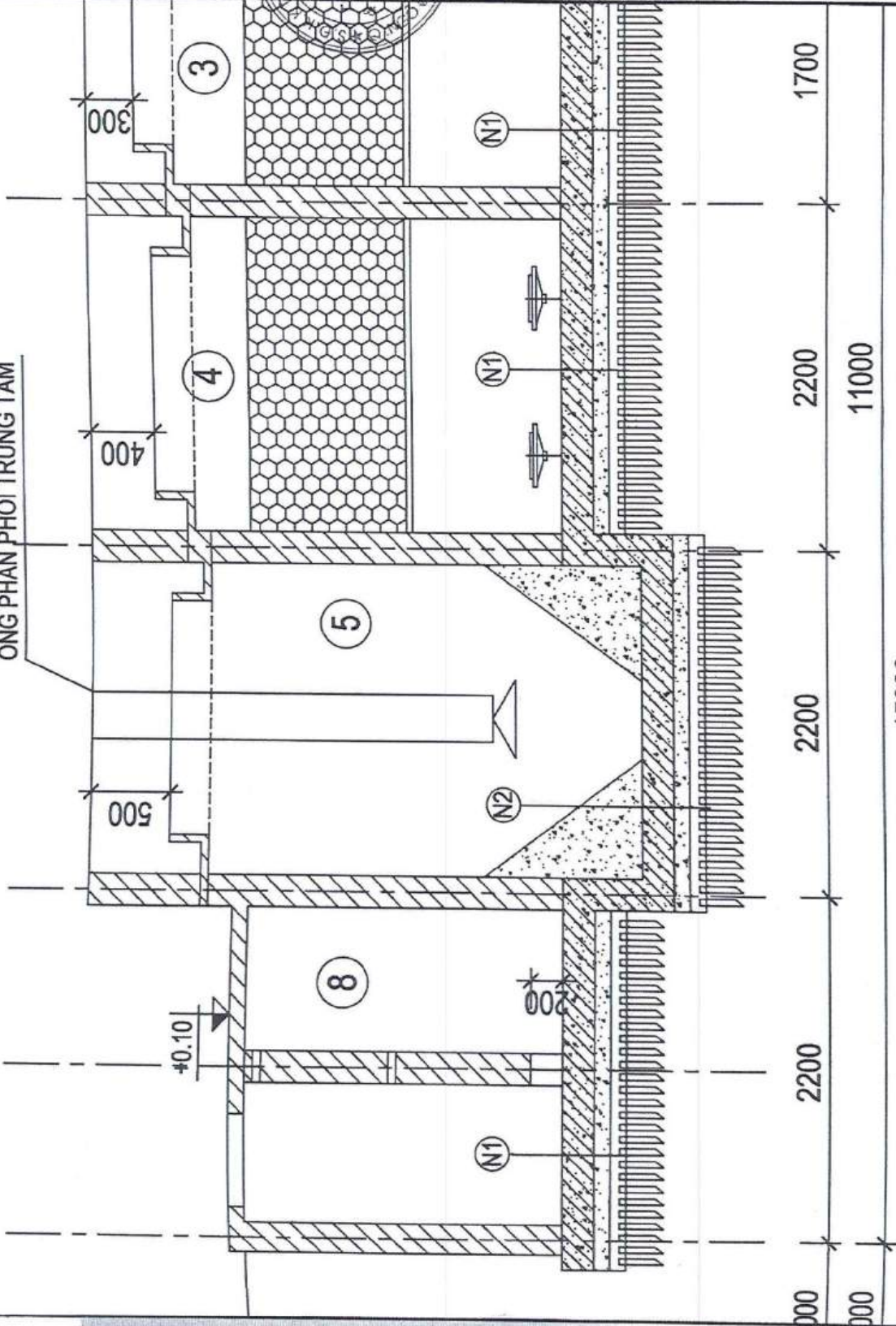
CHỖ TRADING
THÀNH LẬP TẠI QUỐC TẾ
CÔNG TY TNHH MTV QUANG AN

HỒ SƠ
THIẾT KẾ

MẬT ĐỘ 1:1

HOÀN THÀNH
09-2018
01/01

ỐNG PHÂN PHỐI TRUNG TÂM



000
000

15000

2200

2200

1700

300

400

500

200

+0.10

3

4

5

8

(N1)

(N1)

(N2)

(N1)

